

VẠN THIÊN ĐỒNG QUY TẬP**QUYỂN HẠ**

Lược về nhưt vạn đốn viên, ba đức thầy đồng đủ, chưa có một pháp nào vượt khỏi nguồn tâm, nếu tu vạn hạnh cũng từ chân pháp giới mà thành tựu. Hoặc đối trị tập khí mà dùng tri kiến Phật để đoạn, thành quả mình đã làm ấy không thành, đâu ngại chiệu hạnh đoạn mà không đoạn, há ngại với với viên tu ư? Cảnh hết sức trái ngược còn làm chỗ dựa để phát khởi tri thức, đức tốt, thiện đẹp, đâu phải con đường tiến vào đạo ư?

Hỏi: Sao không tỏ ngay bờ chính, vì bốn lập thì đạo sinh. Nếu thực rộng hạnh môn, sợ rằng sinh ra sự ngăn trệ.

Đáp: Lý là gốc của đạo, hạnh là dấu vết của đạo. Nhân gốc thấy dấu không có gốc thì dấu vết đâu tìm được. Nhờ dấu vết mà rõ được gốc, không có dấu vết, gốc đâu có đứng riêng được. Cho nên nói bốn tích tuy khác nhưng trọn không nghĩ bàn vậy. Thế nên biết rằng trước hết làm rõ tông chỉ của mình, rồi mới tiến bước trên đường đạo. Nếu cứ đuổi theo ngọn quả là có sự chướng ngại. Kinh nói: Chẳng phải không tỏ được chân như mà có thể thành được hạnh ấy, giống như những chuyện huyền ảo, dường như có mà không thật.” Và lại, người mà căn cơ viên mãn thọ lãnh một cách nhanh chóng, thì dù cho chiếu che cũng không ngại, ngay nơi giá mà chiếu, cho nên cả hai đều trái chính là hai hạnh, ngay nơi chiếu mà giá nên vừa 2 hạnh mà chính là cả hai trừ bỏ, không hoại bốn mà luôn luôn là mặc, vạn hạnh rõ ràng, không hoại mặc mà luôn là bốn, nhưt tâm thường tịch.

Hỏi: Kinh Pháp Cú nói: “Nếu có thể để tâm không khởi, tinh tấn không có ngăn mé.” Vì cố sao lập sự khởi tâm để trái với đạo vô tác ư?

Đáp: ngay nơi tâm mà vô tâm, sự không ngại lý, làm mà không làm, tánh không ngại duyên. Cho nên Huyền Thủ Quốc Sư nói: “Duyên khởi thể tịch, khởi mà cứ không khởi, đạt thể tùy duyên, không khởi mà hằng khởi.”

Kinh Đại Tập nói: “Phật bảo: Tinh Tấn có 2 loại:

1. Mới phát tinh tấn.
2. Trọn thành tinh tấn.

Bồ-tát bắt đầu từ phát tinh tấn để tu tất cả pháp lành, đem trọn thành tinh tấn, để phân biệt tất cả pháp, không được tự tánh.”

Kinh Kim Quang Minh nói: tuy được quả Phật, song không ngừng tinh tấn, cho nên ở trong chúng còn đem thân lễ xác thịt hưởng chi những bậc thấp còn lại, đứng thẳng chấp tay mà được ư? Cho nên trong 18 pháp bất cộng tinh tấn không giảm.

Đại Luân nói: “Bồ-tát biết tất cả tinh tấn đều là hư vọng, mà luôn thành tựu không thối lui, đó gọi là chân thật tinh tấn.”

Hỏi: Tất cả pháp không thật đều tôn sùng vô tướng, cố sao trình bày các món thiện, khởi tâm hữu tướng?

Đáp: Vì các pháp rốt cuộc là không có thật, nên có vạn thiện để thực hành. Nếu các pháp có tánh nhất định thì tất cả các pháp không lập.

Cho nên Kinh Bát-nhã nói: “Nếu các pháp thật có thời không có đạo có quả.”

Kinh Pháp Cú nói: “Bồ-tát ở trong rốt ráo không, hiển nhiên kiến lập.”

Kinh Kim Cang Tam-muội nói: “Nếu nói pháp có một, tướng này như mao luân, như ánh nước mê mờ điên đảo, vì nó là các thứ hư vọng.” Nếu thấy nơi pháp không, pháp này đồng hư không, điên đảo như kẻ mù không thấy, nói pháp như lông rùa”

Lại nữa, Kinh nói: “Thà huỷ báng như núi tu di, chứ đừng chê không như hạt cải.”

Luận nói: trong các pháp thật tướng, quyết định tướng không thể được, cho nên gọi vô sở đắc, chẳng phải không có phước đức trí tuệ thêm lớn thiện căn.

Lại nói: “Người tà kiến phá các kiến cho không, người quán không biết các chân không, không phá không hoại.

Thí như người điên xá, không bao giờ biết muối, thấy người giàu sang, lấy muối nêm vào các loại rau thịt mà ăn, Ông hỏi: “Cố sao làm như vậy?.” Người kia đáp: “Muối này có thể tạo cho các món ăn ngon thêm”

Người này liền nghĩ: “Muối này có thể khiến các món ăn ngon thêm, chắc hẳn vị nó rất nhiều.” Bèn múc đồng thìa muối bỏ vào miệng ăn, chất mặn làm hư miệng, rồi hỏi lại rằng “Tại sao ông nói muối có

thể làm cho thức ăn thêm ngon?.”

Người kia đáp: “Ông ngu ơi! Điều này phải biết so đo một chút, cho thêm vào khiến cho món ăn ngon chứ tôi có nói ăn toàn là muối đâu.”

Người vô trí nghe không giải thoát môn, không thực hành các công đức, chỉ muốn đắc không, đây là tà kiến, đoạn các căn lành.

Đại Sư Tuệ Viễn ở Lô Sơn giải thích Kinh Niết-bàn có đoạn hỏi: “Nếu không được gì, tại sao phải làm thiện.” Phật đáp: Biết các chúng sinh, hiện có Phật Tánh, ắt có nhân quả như đứa trẻ trong thai, nhất định sinh ra không bao lâu, đương nhiên phải tu thiện.

Lại hỏi: Tôi nay, không biết chỗ thú nhập, làm sao làm thiện?

Phật bảo: có Như Lai tạng, có thể hưởng vào, phải tu các nghiệp lành.

Hoàng Minh Tập nói: Hoặc có người chấp chắc nơi không rời, sinh ra đoạn kiến, nói ra miệng dường như giống mà thực hành ở nơi tâm thì khác. Chánh Pháp lấy không để trừ lòng tham ái của mình. Bạc Đại Sĩ thể hội pháp không mà tăng tưởng công đức, kẻ tiểu nhân nói không mà thực lui đối với điều thiện. Bởi vì phản dụng chánh ngôn để sinh ra tà chấp. Không quán không để trừ mối tuệ luy, chỉ chấp không mà phế bỏ điều thiện. Lại nữa các pháp thiện ác đồng với không vô tướng, mà thiện, pháp là trợ đạo, ác pháp sinh ra chướng ngại. Nên biết tánh Phật của vạn pháp đồng với nhất như vậy, trong pháp ngàn duyên nó không có sự ngăn ngại nên có không có muốn thứ sai khác. Cho nên Kinh nói: Tin sâu nhân quả, không huỷ bán đại thừa, nhân quả ba đời, Phật không dối gạt. Khuyên rằng mười phương, nghe ắt không nghi, mà cho rằng, thiện ác đều không, không tổn ích ư?

Hễ pháp nhân sáng tỏ, thì không pháp nào không rõ ràng: tướng lười rộng dài thì không pháp nào không thật. Nó đã chia ra thành có thì một mảy là muôn ngàn, nó đồng với không thì vạn điều cũng là một. Ngăn sự nảy sinh ra đoạn thường thì trừ luôn hai bệnh không có. Chẳng phải thành ắt không lành, thuận với đạo rốt cuộc là điềm lành, đừng bảo không tin, vì rõ ràng như ban ngày. Cho nên trung luận nói: “Chu Phật nói pháp là không có vì để trừ bệnh chấp có, nếu lại chấp không là chỗ chư Phật không hoá độ. Kinh Kim Can Tam-muội nói: “nếu lìa không mà chấp có, phá có mà thủ không, đây là cái không giả tạo, chứ chẳng phải là chân không.” Nay tuy lìa có mà không giữ không, như thế thì được các pháp chân không. Cho nên “Triệu Luận” nói: nếu lấy có làm có, thì lấy không làm không, có đã không có thì không cũng như vậy.”

Không giữ không để quán các pháp thì có thể gọi là thấy thật tánh của pháp vậy. Đâu được lấy không hại có, lấy có hại không, trái với nguồn của một vị Thánh cấu của nhị kiến. Đây đều là y nơi, lời nói mà đánh mất nghĩa, bỏ rơi trí mà lưu giữ tình. Tuy nói là phá chấp có, chưa đạt nguồn có, gọi chấp không chứ chẳng cùng tột ý không. Nay biện sơ về điều này, để triệt tiêu tà tuệ.

Hễ nói có là có của không có, không là không của không không, chẳng đoạn không. Nếu quyết định là có, chẳng phải là huyền có, mà không sinh khởi trở ngại. Nếu rộng tuếch mà đồng với hư không, thì không có chiếu dụng. Cho nên theo duyên mà có, là không của vô tánh. Không của vô tánh, không mà không ngại có. Có là do duyên, có mà không ngại không. Có nhờ không lập, thành do trí thì vạn pháp cuộn cuộn, không từ có mà sinh, khởi diệu tuệ mà nhất chân rỗng lặng. Đâu giống với chấp chỉ không mà sinh đoạn kiến, thì biển phước tiêu sạch, nương vào thật có mà khởi tâm hằng hữu thì núi ngã mạn cao chất ngất. Vì thế Phật nói không thật, vì không vô minh mà thành phước nghiệp, phá biến kế mà liễu viên thành. Người ngu nói không liền sinh ra cái hiểu sai lầm, mà huỷ bán ý Phật, tăng thêm cái thấy, không mà duyệt nhân thiện. Lại đoạn duyệt không, thì không thiện không ác, không nhân không quả. Đệ nhất nghĩa không thì có nghiệp có báo, không thấy người làm.

Hỏi: Sao không thâm nhập vô sinh, tự nhiên hợp đạo, nhiều lỗi hữu vi đâu ích gì cho sơ tâm?

Đáp: Nhân nơi thế từ mà vào chân từ, từ sinh nhĩn mà có pháp nhĩn. Học thì chia ra trước sau, vị đâu có lẫn lộn. Lại nữa, sinh tức là vô sinh, đâu vượt khỏi cảnh giới của tánh không? Không làm tức làm đâu thoát khỏi nguồn thật tướng. Chỉ thủ xả tình vọng, tức chân tục lý kiến. Cho nên Kinh nói: “Bồ-tát không diệt sạch hữu vi, không ở trong vô vi.” Ngài Tăng Triệu nói: “Hữu vi tuy giả, nhưng bỏ nó thì việc lớn không thành, vô vi tuy thật nhưng trụ vào đó thì tuệ tâm không sáng.”

Kinh Hoa Nghiêm nói: Hiểu rõ thân Như Lai chẳng như hư không, vì vô lượng diệu pháp, và tất cả công đức đã được viên mãn.

Kinh Đại Tập nói: “Xả bỏ đại bi mà quán chúng sinh, đấy là ma nghiệp, chán bỏ công đức hữu vi đấy là ma nghiệp.”

Hỏi: Tánh đức vô lậu vốn tự đầy đủ, đâu nhờ sự tu bên ngoài mà khuyết giảm thiện bên trong?

Đáp: có sẵn hai đức tu tánh, hai duyên trong ngoài, như tánh đức vốn đủ, như trong cây có lửa, không thành sự dụng, phải nhờ tu đức nếu

gặp nhân duyên mới có thể hiển hiện. Đó là nhờ tu mà hiển tánh, nhờ tánh mà tu được, nếu bản chất là vô tánh thì tu cũng không thành. Tu, tánh không hai, hoà hợp mới đủ. Lại nữa, trong các bốn giác, thường huân Thánh chủng, ngoài nương thiện duyên, giúp mở tri giác. Có trong mà thiếu ngoài, thì Bồ-đề không tròn.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Vì pháp như vậy, có sẵn nhân bên trong, vì thần lực của Phật, có sự gia hộ của duyên bên ngoài. Do đó, nếu tu vạn thiện, thì thuận pháp tánh, để gột sạch dơ bẩn, tánh đức mới khởi. Phàm phu tuy đủ, do tạo ác mà trái với tánh, nên bốn tánh không hiển lộ, không thành diệu dụng.

Hỏi: Vong duyên đốn nhập, giác điển có lời văn, sao nay cho là trái, làm đỏi theo pháp nhân duyên?

Đáp: Một môn đốn giáo cũng là do bậc thượng căn lãnh thọ, vong duyên thì ý tịnh, quả là như thật tu hành. Nay nó bao hàm hết, vì người chấp pháp mà sinh biên kiến, một sự, không rõ viên tông, chỉ chia chẻ vọng tình, đâu trừ giáo đạo? Chỉ cần thấy một pháp của Phật, tự có ngũ đẳng dạy người:

1. Tiểu thừa nhân, thấy thân Phật tức là thân sinh ra từ cha mẹ, tâm là từ bên ngoài đến, có tướng hảo rõ ràng, sự huân tập ý thức, có điều phân biệt, không biết nghĩa duy thức, cho nên thấy từ bên ngoài đến.

2. Đại Thừa sơ giáo thấy Phật chỉ là hiện hoá, chẳng có tướng hảo, nhưng kỳ thật thể không chẳng có gì, cho nên nói nếu người dùng 32 tướng thấy Như Lai, chuyển luân Thánh Vương tức là Như Lai.

3. Đại thừa chung giáo, thấy tướng hảo sáng ngời, của Phật mỗi mỗi tướng đồng với chân tánh, thân tức phi thân, lý sự không ngại.

4. Đốn giáo, thấy Phật không có sự khác nhau giữa đầu đuôi, thì đâu có sự sai biệt giữa hiện ứng, cũng không có tướng hảo để lập. Vì tất cả phân biệt chẳng phải là chân lý, lia chân niệm này gọi là thấy Phật.

5. Nhứt thừa viên giáo, thấy Phật tức lia chân niệm này, chẳng những không sinh lý của tướng kia, mà chính là không ngại muôn điều hưng thịnh, đầy đủ y chánh, bao trùm sự lý, nhân pháp đều trên, tỏ 1 việc khắp đến mười phương, tất cả thế giới đều đồng thời hiển hiện giống như đế võng.

Lại nữa, một môn duyên khởi nếu là đốn giáo, không nói duyên khởi tức là sự tướng, khiến chân lý không hiện, phải do tướng tận mới là thật tánh, nếu nói duyên khởi như mắt nhắm thấy hoa đốm hư không. Nếu là viên giáo pháp giới, khởi thì chắc chắn một nhiều điều dung

niếp lẫn nhau, có lực, vô lực mới được thành lập, một nhiều không ngại, nhiếp vào đồng thời, gọi là vào đại duyên khởi.

Như năm môn trên, đều là nhập lộ, vẫn không trách tiểu, sợ phế bỏ môn phương tiện, cố sao bài xích viên để ngăn ngại thật đức. Thiên Thai Giáo nói: Như pháp sư đại thừa không hoằng truyền giáo pháp Tiểu thừa, thì mất phương tiện của Phật. Chỉ vì bậc cổ đức giả lập lời để bài xích hữu biên cũng chỉ vì muốn phá trừ chấp trước, ngày nay chỉ bắt chước theo lời nói, chẳng biết ý chỉ của họ. Hơn nữa chưa nhập vào đốn môn, chỉ vọng danh huỷ, bóng đã mất lỗi thái quá thật đáng xót thay.

Cho nên phần Viên Giáo, phẩm Ly Thế gian trong kinh Hoa Nghiêm nói: Nay Phật tử: Bồ-tát lớn lại nghĩ như vậy: A nậu Đa La tam niệu tam bồ đề lấy tâm làm gốc, nếu tâm thanh tịnh thì có thể viên mãn tất cả thiện căn, đối với Bồ-đề của Phật ắt được tự tại muốn thành A nậu đa la miệu tam Bồ-đề tùy ý liền thành. Nếu muốn đoạn trừ mọi duyên thủ, trụ hoàn toàn trong đạo, tôi cũng có thể làm được, nhà tôi không đoạn là vì muốn cứu cánh Phật Bồ-đề cũng không chứng liền vô thượng Bồ-đề. Vì cố sao? Vì mãi bồn nguyện, trọn tất cả thế giới hạnh, Bồ-tát hạnh để giáo hoá chúng sinh. Đó là tâm thể nguyện như kim cương đại thừa.” Bởi trôi theo duyên mà trái tánh, chứa tạp nhiễm mà thành phàm phu, lia duyên để cầu cứng, chìm vào thiên không mà trở thành nhỏ bé. Duyên tánh vô ngại, tức đại Bồ-đề. Không đoạn môn trần lao, mà có thể thành giống vô vi, không đắm vào biển, thật tế mà có thể tùy theo sóng hữu tác. Chân tục rỗng rang, hữu, vô không ngại, có thể gọi thật hành phi đạo mà thông đạt chánh đạo, ngay nơi chế pháp mà đầy đủ Phật pháp.

Hỏi: Vạn thiện oai nghi, Thanh văn thực hành thiếu sót, đè nén cỏ cây, đâu xứng đại tâm? Sao thành viên đốn.

Đáp: Hàng sơ học của tam thừa hiểu thấu pháp, cho nên Kinh Pháp Hoa nói: “Nếu có Tỳ-kheo thật đắc quả A-la-hán, mà không tin pháp này, thì không có chuyện đó.” Lại nói: Những việc các ông làm, là đạo Bồ-tát, dần dần tu học, ắt sẽ thành Phật.” Điều là giữa đường thủ chứng khởi tâm trụ trước, những người đó bị Phật quở trách, khuyến khích họ phát khởi hạnh nguyện. Còn người của nhị thừa đều lên Thánh vị, vượt khỏi phiền não của 9 địa, đoạn thân nghiệp của tam giới, cùng ngồi tòa giải thoát, đã đủ tuệ thân thông, đâu sánh với hàng phàm phu đầy dẫy sự trói buộc trong thế giới bao la này, chỉ toàn y thông, hoàn toàn không tu chứng? Cho nên Đại sư Chân Giác nói: Nhị Thừa lỗi gì, mà không muốn tu? Trong giáo pháp hoặc chê hoặc khen, khen chê đồng thời,

phàm phu không hiểu, do dự sợ bị quở trách, đâu biết kiến ái vẫn còn, cách Tiểu thừa thật xa. Tuy còn nói tu đạo hoặc sử chữa đoạn trừ, chẳng những thân khẩu chưa ngay ngắn mà tâm cũng còn cong méo, kiến sinh từ ý, giải trái chân thuyên, Thánh giáo không nương theo, minh sư chưa từng lãnh thọ, căn duyên cũng chẳng phải do đời trước tạo nên, kiến giải chưa đủ để sinh ra sự hiểu biết, mà hay thể trí biện thông, suốt ngày bàn luận về nó bấy giờ bị vướng mắc theo lời kinh hiểu méo mó theo tâm riêng, buông theo tà thuyết, để mê hoặc người ngu, phế bỏ nhân quả và bài trừ tội phước. Thuận tình thì hớn hở vui vẻ, nghịch ý thì buồn sâu bức tức. Cảm thái của ba loại cảm thọ này hẳn nhiên như vậy, xứng vị là bạn Bồ-tát, tránh khỏi lỗi sơ thiên, lại quanh quẩn trong kẻ hở của người có lỗi. Không tu pháp đại thừa mà lại chê bai hàng tiểu học, lỗ miệng không nhứt thời, hoạn nạn huỷ báng

Mãi chịu khổ báo trong ba đường. Sách nói: “Người xưa ngay khi nói cũng sinh lòng lo sợ, phát ra lời nói rồi cũng thấy không yên.”

Lại nói: “Ngăn nước sôi chẳng bằng rút củi, dứt lỗi không bằng đừng nói.” Vả lại Kinh nói: Tâm tán loạn hữu lậu của hàng phàm phu, một lần xưng nam mô Phật, nhấn đến hơi cúi đầu, do nhân duyên này vẫn thành Phật đạo, hướng chi tâm Thánh vô lậu, của hàng nhị thừa, vĩnh viễn đoạn trừ thâm sâu, đích thân chứng trí tuệ nhân không, các hạnh đã tu tập mà không đăng chánh vị ư?

Hỏi: Công của có công đều rơi vào bại hoại, công của vô công là công tốt bậc thường còn. Cớ sao lại bỏ mất ý bất thiên mà làm theo hạnh hữu tác?

Đáp: Triệu Luân nói: “Công lao của thế tôn truyền lại muôn đời mà mãi trường tồn, đạo thông suốt vạn kiếp, và mãi mãi như cũ.” Kinh nói: “Kiếp tam tai kéo dài mà vẫn hạnh nghiệp trạch nhiên, nay là chứng tin vậy. Cho nên biết rằng điều thiện một mảy dù là hữu vi cũng là trợ Bồ-đề mà không rơi mất. Mặt cho đại kiếp hoả tranh khởi, cũng không bao giờ đốt được hư không, dầu cho sóng sinh tử vô biên, cũng không thể nào làm đắm chìm điều thiện chân thật.

Hỏi: các pháp vốn không thể, vì do duyên huyễn sinh, các duyên không còn nương tựa trở lại từ pháp khởi, duyên pháp vốn không tánh, rốt cuộc đều là hư, không chủ không nhân, không sinh không diệt. Tại sao lại bàn về sự tướng vô thường, lại còn nói về quả báo hư vong ư?

Đáp: Vì chân tâm không thủ tự tánh, theo duyên àm thành có, dầu giống như có mà không thật, chính là thể không thành sự, giống như bóng cây tuy rỗng không, nhưng có công năng che mát, còn giống với

hôn mộng không thật song cũng sinh tâm vui buồn.

Tuy không có người tạo tác, nhưng không mất quả báo nhân duyên.

Cho nên Kinh “Tịnh Danh” nói: “không có ta không người làm và người thọ nhận nhưng nghiệp thiện ác cũng không mất.” Lại trong giáo pháp nói về không. Vì không thể được, vì không có tánh thật, không phải là cái không của đoạn diệt, tại sao lại khởi tâm như lông rùa rừng thỏ, sinh kiến chấp chân rấn hương muối.

Hỏi: Sơ Tâm vào đạo, lời nói và việc làm phải phù hợp nhau, vạn điều thiện trợ huân, điều là ý này Quả địa rất ráo, việc lớn đã xong, cảnh trí rỗng rang, cần gì các điều kiện ư?

Đáp: Đạt Quả Vị Phật, cứu cánh vô vi, nếu không có vô biên hạnh môn, 8 tướng thành đạo, điều là hạnh phổ hiển, sau khi Phật thâm nhiếp lại, mặc tình như vậy, tận đời vị lai.

Kinh Duy Ma nói: “Tuy đạt Phật đạo, chuyển bánh xe pháp, vào Niết-bàn, mà không bỏ đạo Bồ-tát, là hạnh Bồ-tát.”

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Biết rõ pháp giới không có ngăn mé, một tướng hay không tướng của các pháp, đều là nói cứu cánh pháp giới không bỏ đạo Bồ-tát. Tuy biết pháp giới không có bờ mé mà biết các tướng có tướng khác nhau, khởi tâm đại bi, độ các chúng sinh, trọn đời vị lai không biết mỏi mệt, đây chính gọi là Bồ-tát Phổ hiển.”

Hỏi: Năm độ như kẻ mù, Bát-nhã như người dẫn đường, nay tại sao tán thán riêng có hạnh, rộng bàn về những điều thiện.?

Đáp: Những điều thiện mà nay đã bàn luận, chỉ vì thành tựu Bát-nhã. Cho nên trong

Hoặc quở trách hữu vi, chỉ để phá trừ tham chấp của họ. Nếu như thủ xả không sinh, thì tất cả không ngại. Nếu chưa sáng tỏ đối với Bát-nhã, thế lấy vạn hạnh làm trợ duyên.

Kinh Pháp Hoa nói: Phật danh đồn khắp mười phương, rộng lợi ích chúng sinh, tất cả đủ căn lành, để trợ tâm vô thượng.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Thí như tất cả pháp, do các duyên sanh khởi, thấy Phật cũng như vậy, thấy nhờ các thiện nghiệp. Nếu đã hiểu công dụng Bát-nhã, thì các hạnh là món trang sức.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Xe ấy cao rộng, trang hoàng các báu, cho đến nhiều tới tở theo hầu cận. Cho nên nói Vạn thiện đồng quy tập, là Bát-nhã ra càn không có pháp nào, như các dòng đổ vào biển cả, đều cùng một vị, các loài chim tụ tập núi Diệu Cao lại không có màu sắc khác.

Hoặc không chứng bát nhã, chỉ tu pháp hữu vi thì chỉ thành nhân sinh tử, đâu được quả Niết-bàn.

Nếu bố thí mà không có trí tuệ, thì chỉ được vinh hiển một đời, đời sau phải chịu tác trái oan khiên. Nếu trì giới mà không có trí tuệ thì tạm sinh lên cõi trên của dục giới, còn rơi vào địa ngục. Nếu nhẫn nhục mà không có trí tuệ, được phước báo thân hình đoan chánh không chứng nhẫn tịch diệt. Nếu tinh tấn mà không có trí tuệ, chỉ khởi công sinh diệt không hưởng vào biển chân thường. Nếu thiền định mà không có trí tuệ, chỉ hành thiền sắc giới, không nhập định kim cang. Nếu vạn thiện mà không có Bát-nhã là người thầy dẫn đường trong con đường hiểm ác, là đuốc sáng trong căn nhà mê tối, là con thuyền Bát-nhã trong biển sinh tử, là vị thuốc hay trong bệnh phiền não, là ngọn gió lớn đập nát núi tà, là vị tướng giỏi phá tan ma quân, là mặt trời rực sáng chiếu soi đường tối, là tiếng sấm làm tỉnh cơn mê, là chiếc kim bẻ mở mắt người ngu tối, là giọt cam lồ làm tiêu nước khát ái, là chiếc kiếm tuệ cắt lưới si mê, là viên bảo châu cho người nghèo thiếu. Nếu trí tuệ không sáng, thì cạn thiện cũng hưởng uống. Tổ Sư nói: “Không biết huyền dù chỉ lao nhọc tịnh niệm.” Không thể quên chiếu trong sát ma, trái nhau trong chốc lát, nhãn đến ở trong quả vị cứu cánh thành Phật, định tuệ luật trang nghiêm, dùng đây độ chúng sinh, cho nên Phật nói: “Ta ở trong một đêm thường nói Bát-nhã.

Hỏi: Các pháp tịch duyệt tướng, không thể dùng lời diễn nói, sao không chỉ thẳng vào việc ấy mà đề cập rộng đến nhân duyên, phát khởi sự vấn đáp?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói: “Phật bảo đại tuệ: Nếu không nói tất cả pháp, thì giáo pháp sẽ hoại diệt, giáo pháp hoại thì không có chủ Phật, duyên giác Thanh văn, nếu không có vị này thì ai nói cho ai? Thế nên đại tuệ: Bồ-tát lớn nên chấp trước nơi ngôn thuyết, phải tùy nghi phương tiện, rộng nói các pháp. Nên biết tổng trì không có văn tự làm sáng tỏ tổng trì, lìa lý không có thuyết lìa thuyết không có lý. Vì chân tánh biến khắc cả, bất khả thuyết không khác khả thuyết, vì do tu theo vô tánh, khả thuyết không khác bất khả thuyết. Nếu nói tứ thật tánh và tự tướng của các pháp đều bất khả thuyết, nếu nương tứ tất đàn và cộng tướng các pháp điều là khả thuyết, đó là chư Phật thường nương nhị đế để thuyết pháp, nhưng đạt ý chỉ viên dung thì nói (thuyết) không có lỗi. Lại nữa, tánh khi lìa lời không thể nói, nhưng nhờ ngôn thuyết mới hiểu được bất khả thuyết.

Nếu luận về thực hành nguồn đạo, nơi thạch dòng Phật, trước

hết phải nói Bát-nhã để biện chân tâm. Bát-nhã chính là thầy của vạn thiện, mẹ của ngàn Thánh, chân tâm là gốc của quần sinh, là nguồn của các pháp. Nếu Bát-nhã chưa thông thì chân tâm do đó bị mê muội, cần phải quy mạng một thể Tam bảo, sám hối tội cầy trong 3 đời. Dùng giới luật để tìm điểm lỗi phòng sai, dùng thiền định để nhiếp trừ hôn loạn, thân cận bạn lành, tán tụng đại thừa, tu tập vạn thiện, học rộng nghe nhiều, giúp chân tánh hiển hiện, thẳng đến Bồ-đề, chướng sạch thì diệu định tự sáng, tuệ bát thì chân tâm rạng rỡ. Đã có thể tự lợi lại khẩn thiết với điều chưa nghe, rộng làm nhân phước, thực hành đủ các độ, kế thừa sự nghiệp nhà Phật, dựng cờ đại pháp. Rót một vị mưa pháp, để xoá sạch các trần hoặc đốt ngọn neon trí vô tác, để chiếu soi nơi tăm tối. Đây là công đức vạn thiện trước sau đều khởi, ở trong giáo pháp của chư Phật, thông thường như vậy. Cho nên Kinh Hoa Nghiêm nói: “Bồ-tát lớn không làm những việc bức não chúng sinh, chỉ nói những chuyện làm lợi ích chúng sinh”

Kinh Pháp Hoa nói: “nếu người thọ trì đọc tụng kinh này, vì người khác nói hoặc tự viết hoặc dạy người viết. Lại còn xây tháp dựng phòng tăng cúng dường khen ngợi chúng Thánh văn tăng, cũng dùng trăm ngàn muôn ức cách tán thán để tán thán công đức của Bồ-tát. Lại vì người khác gieo trồng các thứ nhân duyên, tùy căn cơ giải nói Kinh Pháp Hoa này. Lại có thể ở chung với người trì giới thanh tịnh và nhu hoà, nhẫn nhục không sân chí niệm bean vững, thường quý ngời thiền, đắc được định sâu mầu, tinh tấn dũng mãnh, nhiếp các pháp lành, trí tuệ lanh lợi, khéo trả lời sự vấn nạn. Nhấn đến người này hoặc ngời hay đứng hoặc đi, ở trong đây phải xây tháp, tất cả thời người đều phải cúng dường như cúng dường tháp Phật.

Lược nói pháp thiện có 4 thứ:

1. Tự Tánh thiện: không có tham, sân si mà đồng với ba thiện căn.
2. Tương ứng thiện: khi tâm lành khởi, tâm vương tâm sở cùng khởi theo một lúc.
3. Phát khởi thiện, phát thêm ngữ nghiệp, biểu lộ điều đã tư duy trong tâm.
4. Đệ nhất nghĩa thiện, thể tánh thanh tịnh.

Lại lược có 2 loại:

1. Lý thiện tức đệ nhất nghĩa.
2. Sự thiện tức lục độ vạn hạnh.

Ngày nay phần nhiều căn cứ trên lý thiện, nếu là lý thiện thì xiển

đề cũng có, sao không thành Phật.

Thế nên cần phải thực hành sự thiện, để trang nghiêm lý thiện, nhóm phước đức đức lớn, mới thành diệu thân, như khoáng chất có vàng, như núi chứa ngọc, như đá ẩn lửa, như đất sinh sỏi, chưa gặp nhân duyên, không được giúp đỡ, dù nó vốn có sẵn song có cũng đồng không, ba nhân của chúng sinh cũng giống như vậy. Hễ nói có tâm chánh nhân đều đủ, chưa đắc duyên tổ, pháp thân không thành. Liều nhân trí tuệ trang nghiêm, chánh giải quán sát, vì nhờ phước đức trang nghiêm, diệu hạnh trợ phát. Đầy đủ ở nhân mười hiệu sáng chói, tự lợi lợi tha, lý tốt cùng ở đây, cho nên Kinh Hoa Nghiêm nói: Ta dùng tưởng nghiêm thân, ánh sáng chiếu thế gian, tất cả chúng tôn kính, vì thuyết ẩn thật tướng. Còn người đức mỏng phước cạn không thể cam nhận pháp này.

Thiện căn khó phát, nghiệp ác khó trừ.

Kinh Niết-bàn nói: Thí như khắc vẽ trên đá, hoa văn của đó còn mãi, vẽ trên nước thì mất liền, sức không còn lâu. Sân như vẽ trên đá, cội gốc của các căn lành như việc vẽ trên nước, vì thế tâm này khó điều phục được. Cho nên biết việc thiện dễ quên, thân người khó được, không thể theo nhân, phút chốc qua đời khác.

Kinh Đề Vị nói: “Thí như có một người ở trên núi tu di thả cọng chỉ xuống, một người đứng dưới cầm kim đưa lên, ở giữa có một trận gió mãnh liệt, thổi bay cọng chỉ, thật khó xâu vào lỗ kim. Thân người khó được hơn cả điều này.”

Lại nữa, Kinh Bồ-tát Xứ Thai nói: Rùa mà gặp bông cây nổi, đời đời cũng có thể gặp được, con người hễ mất mạng căn, trải ức kiếp khó có thể gặp được. Nước biển mênh mông, bát ngát, 336 dặm, bỏ một cây kim xuống đáy biển, tìm lại còn có thể được. Lại nói: Ta từ vô số kiếp, qua lại trong đường sinh tử, xả thân rồi lại thọ thân, không rời bào thai. Kể lại những chỗ ta đã đi qua, chỉ nhớ một thứ mà không nhớ thứ khác, thuần làm một thân chó trắng, xương chất cả ức núi Tu Di. Lấy kim đâm vào địa chủng chỗ nào cũng gặp thân ta, hướng chi là thân chó khác, số ấy không thể tính kể. Vì ta nhiếp tâm mình, không tham trước phóng dật. Thế nên tạm được thân người, ở trong 12 thời, không thể chốc lát quên đi điều thiện, sát ma tăng trưởng điều ác, như vậy mà còn khó được đâu dễ dàng ư?

Vả lại vô thường mau chóng, niệm niệm đổi dời, đá lửa gió đến, thê ba tàn chiếu, bóng hoa ảnh điện, không đủ để thí dụ.

Kinh Pháp Cú nói: “Phật bảo Phạm Chí: Đời có bốn việc, không

thể lâu được”

1. Có thường ắt vô thường.
2. Giàu sang ắt bần tiện (nghèo hèn).
3. Hội họp ắt chia tay.
4. Mạnh khoẻ ắt sẽ chết.

Lại nữa Kinh nói: Chẳng phải ở trong không trung, trong biển, chẳng phải vào trong núi đá, không có nơi chốn, thoát khỏi nó mà không chịu chết.

Như điều đã nói trên, vạn đức muôn thiện, Bồ-đề làm tư lương, chỉ trừ hai pháp, có thể thành chướng ngại:

Một là bất tín.

Hai là sân nhuế.

Không tin thì chướng chừa hành thiện sắp làm thiện. Sân nhuế diệt rồi hành thiện, đang hành thiện. Vì không tin, giống như giống hư, vĩnh viễn đoạn thiện căn hư hoại chánh tông, tăng trưởng tà kiến. Vì sân nhuế, nên thiêu đốt ngăn ngại Bồ-đề, mở cửa ác thú, đóng bít đường vào nhân thiên. Lại nữa không sân do từ khởi, tin sâu xa do trí mà thành, kiếm trí vừa bước lên gốc nghi liền đoạn, mây từ vừa thấm lửa sân liền tiêu. Thế nên nhờ nhân trí mà vượt qua bờ khổ hải, nhờ tín mà vào cửa Bồ-đề, nhờ từ mà ở trong nhà đại giác, nhờ nhẫn mà khoát áo như lai.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Tín là mẹ của cội nguồn công đức, nuôi lớn mọi pháp lành. Tín có thể làm tăng trưởng công đức trí, tín có thể đạt đến địa vị Phật, tín khiến cho các căn thanh tịnh, sáng suốt lạnh lợi, sức tín kiên cố không thể phá hoại, tín có thể diệt hẳn gốc phiền não, tín hay hưởng thẳng vào công đức của Phật, Tín là công đức không hoại hạt giống, tín có thể làm lớn thêm cội Bồ-đề, tín có thể làm tăng ích trí tối thắng. Tín có thể thị hiện tất cả Phật.”

Kinh Đại Trang Nghiêm Pháp Môn nói: “Người sân hận có thể diệt trừ thiện nghiệp đã làm trong trăm ngàn kiếp.”

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Bồ-tát khởi một niệm sân, có thể phát sinh trăm vạn cửa chướng ngại.”

Kinh nói: Nó là giặc cướp công đức, không thứ nào hơn sân nhuế”
Lại nữa, Đất ý khởi sân, đại đạo oán tặc.”

Hỏi: Phạm tu vạn thiện, đều trợ giúp cho Bồ-đề, cơ sao có sự ngăn trở không thành? Lại làm sao chóng được viên thành?

Đáp: Vì phóng giải đãi, nên không thành, nhờ dừng mãnh tinh tấn nên sớm được.

Kinh Thí Dụ nói: “Có một Tỳ-kheo, ăn no vào thất, đóng cửa

nằm ngủ, yên thân khoái lạc, nhưng 7 ngày sau, khi mạng sắp hết, Phật thương sót ngài, mà bảo rằng: Vào thời Phật Duy Vệ ông được xuất gia, không tụng kinh giới, ăn no lại ngủ, khi mạng chung sinh vào loài trùng ngô công, sống 3 vạn tuổi thì thọ hết, lại làm (trùng) ốc trai, làm một trong thân cây, mỗi thân chịu 5 vạn tuổi. Bốn phẩm trùng này sinh trong tăm tối, yêu thân tiếc mạng, thích sống chỗ tối tăm, và xem đó là nhà, không thích ánh sáng, một khi ngủ trăm năm mới thức, ở triền miên trong lưới tội, không cầu ra khỏi. Đời nay tội hết, được làm Sa-môn, tại sao ngủ nghỉ không biết nhàm đủ? Tỳ-kheo nghe rồi, xấu hổ tự trách, ngũ cái biến trừ, thành A-la-hán”.

Kinh Đại Bảo Tích nói: Phật bảo: Thí như lấy một chỉ lụa buộc lên đầu, lửa cháy đến dải lụa, không rời để cứu lửa. Vì cố sao? Rốt cuộc thật lý cần kíp, ở trên đây mỗi mỗi tự thân, phải tỏ giáo hạnh, đâu giám tạo thêm thứ lớp, bèn có sự cần gỡ?

Nguyện tuân theo lời tha thiết, không trái lẽ rất ráo.

Hỏi: Từ bi vạn thiện, sâu xa như Phật, lời tổ dạy có người khen kẻ chê, cho nên sinh nghi. Ở trên tuy nói rộng, nhưng vẫn còn ôm mối ngờ khác, chưa thăm thấu chỗ quay về rốt ráo trong ý chỉ của Phật, lại monog cầu kim chỉ nam, trừ hẳn sự tích trệ.

Đáp: Tổ lập ra lời răn bảo, Phật lưu lại dấu tích, chỉ vì muốn phá biến, kể sở chấp, không làm tổn hoại đến pháp môn duyên khởi. Biến kế tánh là tình có mà lý không, như nhìn sợi dây tưởng con rắn, thấy cây trụi tưởng là quý, nó không có mà hoạnh chấp có, lột sát toàn không, y tha tánh là nhân duyên nếu tùy theo tịnh duyên thì được quả Thánh, nếu theo duyên nhiễm thì làm phạm phu. Đó là tùy duyên vô tánh nên gọi là viên thành.

Kinh Pháp Hoa nói: “Chư Phật lưỡng túc tôn, biết pháp thường vô tánh, giống Phật từ duyên khởi, thế nên nói nhưt thừa.”

Luận nói: “Nếu thấy pháp nhân duyên thì gọi là thấy Phật.” Cho nên biết không có một không hợp cả lý sự, chưa có một pháp nào chẳng phải là Phật thừa. Tất cả chỉ vì không hiểu được nguyên sơ của vạn pháp, tự tánh của một trần, rồi sinh tình chấp, trệ tướng mê danh, vọng phân mình người, gương sinh ly hợp, đến nỗi khiến cho lý sự, nước lửa tranh nhau sinh ra, mỗi thứ căn cứ nhị biên, không thành một vị. Tự che lấp nhãn kiến, châu sáng có vết. Do tâm chấp quán, vạn thiện sinh bản.

Tánh dâm, nộ, si, tà kiến phi đạo, vẫn là môn giải thoát, tôn sùng Tam bảo, làm các việc thiện lợi người, há thành việc chướng ngại? Đó

là thông đạt nó thì ngói đá là vàng, chấp nó thì diệu được thành chất độc. Cho nên Kinh nói: hư vọng là lời thật, vì trừ tà chấp, thuật ngữ là hư vọng, vì sinh ngữ kiến. Chỉ trừ khử tình chấp, hành trọn con đường huyền, thông, lưới, kiến chấp đã xé rách, chỉ còn một chân tâm, bụi trần nếu tiêu thì không phải thứ gì Phật quốc. Cho nên Kinh Đại Bát-nhã nói: “Phật bảo: Ta bảo các pháp không có gì để chấp ấy Bát Nhã Ba La Mật Đa. Vì chúng ta ở trong ấy không có gì để chấp, lại có thể ở đạt được thân sắc vàng ròng thường chiếu sáng.”

Nếu muốn không có lỗi, chỉ cần lý sự viên dung, hạnh nguyện theo nhau, bi trí gồm đủ. Cho nên Luân Hoa Nghiêm nói: Tu riêng lý thì trệ vào tịch lặng, thiên tu trí thì không có lòng thương xót, thương hưởng tu về lòng bi, thì tập nhiễm càng tăng, chỉ phát nguyện thì tình hữu vi khởi phát. Cho nên Bồ-tát nhờ pháp viên dung nên không lấy không bỏ.”

Thiền Sư Khuê Phong nói: Thầy trò truyền trao, phải biết thuốc bệnh. Thừa hành phương tiện trên cũng phải khai thị bổn tánh trước, mới khiến họ nương tánh mà tu thiền. Khó ngộ tánh bởi phần nhiều là do chấp tướng. Cho nên muốn hiển tánh, trước tiên phải phá chấp, phá chấp phương tiện, cần phải phàm thành điều bật dứt, công, nghiệp đều dứt sạch, khiến tâm không còn gì để chấp, mới có thể tu thiền, hàng hậu học kiến thức nông cạn, bèn chấp lời này là đạo cứu cánh. Lại nữa, lấy môn tu tập, vì phần đông người buông lung, sâu này rộng nói về điều ưa ghét, chê bai tham sân chính ý để nhập đạo. Người sau nghe vậy, lại mê nơi dụng của bổn giáo, liền một bề chấp tướng, mắc kẹt nơi giáo, trái nghịch với tông. Lại nữa, người học thiếu cận, hoặc chỉ biết ly cấu thanh tịnh, lìa chướng được giải thoát, cho nên chế thiền môn tức tâm là Phật, hoặc chỉ biết tự tánh thanh tịnh, tánh tịnh, giải thoát, cho nên xem thường giáo tướng tri luật, toạ thiền, điều phục...

Không biết thấy đều nhờ đốn ngộ tư tánh thanh tịnh, tánh tịnh giải thoát, tiệt tu khiến đặng viên mãn thanh tịnh cứu cánh giải thoát, hoặc thân hoặc tâm, không có sự ngăn trệ. Lại nói, không tông chỉ vì mê nơi giá thuyên, chẳng phàm chẳng Thánh, tất cả không thể đặng bằng, tánh hữu giá hữu biểu. Người thời nay đều cho rằng giá ngôn là sâu mâu, biểu ngôn là thiếu cận, nên chỉ chú trọng nơi chuyện phi tâm phi Phật. Bởi vì cho từ giá, phi là vi diệu, không muốn thân chứng pháp thể của mình nên mới như vậy.

Những điều đã kể trên, lời Tổ dạy rõ ràng, nên vì chẳng phải để phá chấp kia tướng lìa tánh mà sinh thường kiến, tánh lìa tướng mà

thành đoạn diệt. Hoặc có người tán thán, đấy chính vì họ hiểu tướng tức là tánh, dụng không lìa thể, tánh tức là thể của tướng. Như muốn khen ngợi tánh chính là tán thán tướng, nếu muốn chê bai tướng chính là chê tánh vậy. Cớ sao vọng khởi tâm thủ xả mà sinh nhị kiến? Nếu vào một cõi pháp môn thì khen chê đều ngừng.

Hỏi: Như ý trên hỏi chỉ căn cứ vào thời nay, đa phần thủ chấp lý thông, ít người học theo sư, điều gọi là huyền học, ly vật siêu trần. Quả Phật vẫn còn chê mà không chịu tu, một mảy thiện đâu chỉ tôn sùng mà phải làm? Chưa thẩm xét việc của bậc thượng cổ rồi cũng như vậy, cầu xin quyết nghị thêm, để tránh việc rơi vào lưới tà.

Đáp: Bậc Thánh hiền thời xưa, chí lớn tâm thuần, tốt cùng nơi lý mà thời khắc không quên, đi lên mà thần linh chuẩn đón trước, sớm tối như vào sâu ra cạn, khắc chứng như đốt châm cứu đầu, trọng điều thật chứ không trọng điều hư, quý nơi thực hành chứ không quý lời nói, đề cập đến có mà không tự nơi có, hành không mà không chứng không, từ việc thiện nhỏ mà chứa công to lớn, nhờ nhân nhỏ mà đạt được quả lớn. Đời nay thì kiếp học thời ngoa, chí nhỏ mà căn độn, ngã mạng cấu nặng, giải đãi chướng sâu, một hạnh không thành, trăm lỗi thường tập, thừa giới đều mất, lý sự cuồng vọng, rơi vào hầm vô tư, ngồi trong ngục hắc ám, không đạt ý tức sự là lý, hướng niệm lời phá chấp trừ bệnh. Người trí thật bị ai người ngu bắt chước, đã thành dấu vết, chống đoạt càng khó.

Đấy là trích dẫn thâm tâm của Phật tổ, trình bày đủ đại ý của kinh luận, mong chừa chấp cũ, sửa đổi lỗi xưa, cùng nhau bước theo dấu chân xưa của bậc hiền Thánh, đồng bảm thọ lời khuyên của như lai, không thiếu bốn chí, khởi phụ tứ âm cùng bước vào môn giải thoát, cùng xiển dương con đường ly xanh, thành sự nghiệp của chủ Phật, mãn đại Bồ-đề. Đóng đường tà mà mở nẻo chánh. Giữ chặt tín căn mà nhổ sạch gai nghi, dự bị thuyền trí Ba-la-mật, nương vào bè từ đại Bát-nhã, vượt khỏi bến khổ củatam hữu, vào biển nguyện của khổ huyền bước qua khỏi phiêu trần của Pháp giới, dừng lại nơi đại thành của Niết-bàn, qua lại cõi trần lao, dạo khắp nơi ngũ thú, không ngừng không nghỉ, chẳng trước chẳng sau, vị lai cùng mà không cùng, hư không tận mà không tận, ngưỡng mong Phật nhãn, chứng lời thành thật này, khắp vì quần sinh, kính cẩn thuật lại bộ này.

Hỏi: Bậc thượng thượng căn đốn ngộ tự tâm có còn nương vạn thiện để trợ đạo huân tu không?

Đáp: Thiên Sư Khuê Phong có 4 câu khoa giản:

1. Tiệm tu đốn ngộ, như chặt cây phải từng nhát rìu, một lúc đổ ngã liền.

2. Đốn tu tiệm ngộ, như người học bắn, người lanh trí thì từng mũi tên, chú ý ngắm thẳng ngay đích. Người chậm lụt thì lâu lâu mới trúng.

3. Tiệm tu tiệm ngộ, như leo lên đài 9 tầng, từng bước lên cao dần, thấy họ xa dần.

4. Đốn ngộ đốn tu, như nhuộm một mảnh vải, thì muôn sợi đồng thành màu. Bốn câu trên phần nhiều ước theo chứng ngộ. Chỉ đốn ngộ tiệm tu, đây là ước theo biểu ngộ, như mặt trời vừa xuất hiện thì sương mù dần tiêu tan.

Kinh Hoa nghiêm nói: “Lúc mới phát hiện, liền thành chánh giác, rồi mới đăng địa, thứ lớp tu chứng”

Nếu chưa ngộ mà tu, chẳng phải chân tu vậy. Chỉ có sự đốn ngộ tiệm tu này, đã hợp với Phật thừa, không trái viên chỉ. Như đốn ngộ đốn tu, cũng nhiều đời dần tu, đời nay liền thành thực, người đang ở đây, tự nghiệm trong lúc này, nếu lời nói đúng với việc làm, việc đã làm xứng như lời đã nói, lượng cùng cội pháp giới, tâm hợp với lý hư không, bát phong không động, ba thứ cảm thọ tịch nhiên, chúng tử hiện hành đều tiên, căn, tùy đều sạch. Nếu ước theo tự lợi thì đây cần vạn thiện huân tu? Không bệnh đâu cần thuốc men? nếu tính theo lợi tha cũng không thể phớt bỏ, nếu không tự làm sao khuyên người khác. Cho nên Kinh nói: “Nếu tự tri giới, khuyên người khác thì theo, nếu mình ngồi thiền khuyên người khác cũng ngồi” Trí Luận nói: “Như ông lão trăm tuổi ca múa là muốn dạy cho đứa trẻ. Trước muốn dắt dẫn, sau khiến họ vào tuệ Phật”

Nếu như hiện hành chưa đoạn phiền não, tập khí lại sau dày, chạp mất sinh tình, chạp trần thành ngại, tuy hiểu nghĩa vô sinh, song đức ấy chưa đầy đủ, không thể chấp rằng tôi đã ngộ rồi. Phiền não tánh không, nếu khởi tâm tu, lại bị điên đảo. Vậy thì tánh phiền não dẫu không có thể khiến chịu nghiệp, nghiệp quả vô tánh, cũng làm nhân khổ, đau khổ tuy không, tại sao khó (nhẫn) chịu. Nếu gặp bệnh nặng, bệnh cũng toàn không, đâu cần bác sĩ, chạy vạy thuốc thang? Cho nên biết ngôn hành trái nhau, hư thật có thể nghiệm, chỉ lường căn lực, không thể tự (trễ nãi) lừa dối, xét ý phòng lỗi, phải hết sức cẩn thận.

Hỏi: Lão tử cũng diễn nói hạnh môn, trọng ni rộng khuyến khích làm thiện, cố sao chuyên tán thán Phật giáo mà khen ngợi duy mỹ ư?

Đáp: Lão Tử thì dứt Thánh bỏ trí, ôm giữ một lối mềm nhũn, lấy

thanh hư đạu bạ làm chủ, ưa thiện ghét ác làm giáo, báo ứng ở trong một đời, giữ gìn chỉ một thân mạng đấy là nói gần trong cõi này, chẳng phải bàn xa về cảnh tượng ngoài, nghĩa trái với đạo kiêm tế, mà không có ân huê, lợi ích vậy. Trọng ni thì hành trung lập hiếu, xiển đức xướng nhân, chỉ phô trương thiện của thế gian, chưa thể quên lời thần giải. Nên chẳng phải là bậc đại giáo. Đó là trọng ni trả lời Lý Lộ rằng: Sống và việc người ông còn chưa biết, chết cùng với quỷ thần, đâu phải việc tôi biết? Hai thuyết trên, đều chưa thoát khỏi thoái đời, còn vương bận trong lưới trần, đâu thể thông suốt được tông thâm sâu của pháp giới, vận dụng hạnh vô điều vô biên ư?

Hỏi: Hạnh của Phật vô thượng, các bậc hiền triết đã tôn trọng, hai giáo nho Đạo đã hết sức kính phục, cố sao trong đời sau lại huỷ báng không tin vậy?

Đáp: Nho Đạo Tiên Tông đều là Bồ-tát, biểu thị sự khen ngợi, đồng khen Phật thừa. Lão Tử nói: “Thầy ta là Phật giác ngộ tất cả dân.”

Tây Thăng Kinh nói: “Thầy ta du hoá ở Tây Trúc, khéo vào Niết-bàn. Phu Tử nói: Thầy của họ Lão gọi là Thích-ca Văn.”

Liệt Tử nói: Thương Thái Tể Hi hỏi khổng tử rằng: (Phu Tử là Thánh nhân ư?). khổng tử đáp: Khổng Khâu biết rộng nhớ nhiều chứ chẳng phải Thánh đâu.”

Lại hỏi: Tam Vương là Thánh nhân ư? đáp: “Tam Vương khéo dùng kẻ trí dũng, chẳng phải Thánh nhân.” Lại hỏi: “Ngũ Đế là Thánh nhân ư?” Đáp: Ngũ Đế khéo dùng nhân nghĩa, cũng chẳng phải điều khâu biết.

Lại nữa: Tam Hoàng là Thánh nhân ư?

Đáp: Tam Hoàng khéo tùy thời cơ, cũng chẳng phải điều khâu biết. Thái Tể Hy ngạc nhiên nói: Vậy thì ai là Thánh nhân. Phu Tử hau mặt nói rằng: Khổng khâu nghe nói ở Tây Phương cá bậc Thánh không trị mà không loạn, không nói mà tự tin, không hóa mà tự hành, bình dị đối với dân không thể gọi tên!

Ngô Thư nói: Ngô chủ Tôn Quyền hỏi Thượng Thư lệnh Hám Trạch rằng: Lão Tử Khổng Khâu có thể so sánh với Phật được không?

Hám Trạch nói: “Nếu đem hai nhà Khổng Lão so sánh với Phật pháp ở phương xa, thì xa vậy. Cho nên nói là Khổng Lão thiết lập giáo pháp, theo pháp trời chế dựng, không dám trái trời; chư Phật thiết lập giáo pháp, chư thiên phụng hành, không dám trái Phật. Từ đây mà nói, quả thật chẳng so sánh được! Ngô Chủ hết sức vui mừng (dùng) mời

Hám Trạch làm Thầy dạy cho Thái Tử.

Kinh Khởi Pháp giới nói: “Phật bảo ta sai hai vị Thánh sang trung hoa giáo hóa; một là Lão Tử tức là Bồ-tát Ca Diếp; hai là Khổng Tử tức là Nho Đồng Bồ-tát.” Biết rõ điều đó từ xưa đến nay, những người lợi ích nơi thế gian, đều là Bồ-tát thâm giáo hóa. Chỉ bậc đại sĩ mới biết, chẳng phải kẻ phàm tình có thể hưởng được. Lại khiến cho kẻ bận tiện nghe khởi tâm hủy báng chư khổi, đều không hiểu bốn tông, vọng sinh ngu chấp. Người thờ Lão Tử thì phi phù đồ ấn() luyện đa nung vàng, lập bày rượu thịt để tế lễ. Người vào cửa Khổng, chí trái với sự thuận pháp, ý còn phù hoa, dong ruổi theo tài cuồng của oanh vũ, bắt chước mọn tài của nhên nhện. Những điều này đều trái ngược với tiên đức, tự mất bốn tông. Người này không chê bai đâu hiển lộ sự sâu xa của nó. Kẻ hạ sĩ không cười sao thành đạo ấy? Thế nên pháp Phật như biển, không thể bao quát; lý cùng tốt hư không, cửa nào không vào?

Các bậc tiên triết ngậm lãnh hội, ngàn vị Thánh đều quy tụ, chân tục cùng hành từ, trí ngu cùng chiếu soi. Khai mở cho tục đế thì khuyên thần phải trung với vua, khuyên con phải hiếu với cha mẹ, khuyên tổ quốc phải thiệu long, khuyên gia đình phải hòa hợp, hoàng thiên để bày niềm vui của Thiên đường. Nêu ra lỗi để thị hiện khổ ở địa ngục, không chê khen ngợi một chữ, đâu dừng lại ở ngũ hình mà làm giới cấm? Phô bày chân đế thì phải trái đều bật dứt năng sở đều không, thân muôn đều lạnh như chân, hỏi ba thừa quay về viên cực, chẳng phải chỗ nhị đế sánh cùng thì há bách gia có thể sánh kịp ư?

Hỏi: Đạo thấy ở nơi đây, chân tánh chẳng rời, có Phật không Phật, tánh tướng thường trụ, đây chính là như thể Tam bảo thường trụ ở thế gian đâu cần gỗ vàng khắp tượng, trúc bạch viết kinh, thế phát xuất gia cho là Tam bảo?

Đáp: Bậc thiện căn hiểu thâm sâu, đâu nhờ bày ra; bậc trung hạ độ cỏ, phải nương sự phát, không thấy chánh tướng, chỉ nhiễm tà tông. Ví như ở đất nước này khi tượng giáo chưa đến, chỉ có ngạo đạo thanh hành. Chẳng biết chân ngụy, chẳng biện được linh tung, Phục Tụ Hán Minh mộng hiện thân vàng, Ngô đế hiện tướng lành xá lợi, về sau quốc vương trưởng giả mới biết cửa để quy kinh triết sĩ minh nhân chóng hiểu nơi an nghỉ. Thế mới biết nhờ tích mà hiển lộ bốn, tướng có thể thông chân, nhờ môn được cá, lý sự vô ngại. Đó chính là Mộc mẫu biến sắc, tượng vàng tỏa hào quang, đạo nhờ người hoằng, vật do tình cảm. Có khả năng sinh giống tịnh, kính trọng từ nơi tượng mà khai mở tâm; không kết tín duyên thì dù gặp chân nghi cũng không thấy. Đó chính là

do mê nó thì bốn mặt đều mất, hiểu ngộ nó thì chân giả đều thông. Nếu nghiệp kỹ văn này, thì đâu sinh tâm thủ xả? Hoặc cúng dường rộng rãi, hết sức chí thành, ý nghiệp công sâu, tu nhân sức lớn, đó chính là cô gái nghèo dâng nước trái cây lọc mà quả vị lên đến Bích Chi, Đồng Tử vào Thổ xa mà phước thọ Luân Vương.

Hỏi: Nhân duyên nghĩa không, tự tha vô tánh Niết-bàn sinh tử, một thể không khác. Tại sao hành từ, nhiếp hóa rộng khắp.

Đáp: Tuy nhân pháp vốn không, ta người rỗng tịch, mà chúng sinh mê như mộng, sở đắc đều không biết gì, Bồ-tát khởi lòng thương xót, mà thị hiện chân thật.

Kinh Đại Bát-nhã nói: Phật bảo Thiện Hiện: Phải biết hữu tình tuy tự tánh không, xa lìa các tướng, mà có sự tạp nhiễm, thanh tịnh có thể được. Khởi Tín Luận nói: “Tuy niệm tự tánh của các pháp không sinh, mà lại nghĩ nhân duyên hòa hợp với nghiệp thiện ác, các bảo khổ vui, không mất không hoại. Tuy nghĩ đến nhân duyên thiện ác nghiệp báo, mà cũng niệm tánh không thể được. Đó là quán duyên khởi mà không trụ Niết-bàn, liễu tánh không mà không trụ sanh tử.”

Hỏi: 96 phái ngoại đạo ở Tây Thiên, mỗi phái đều lập pháp môn để tu hành, hết sức khổ luyện, việc nào cũng là thiện nghiệp, cố sao bá tánh còn phải trở lại luân hồi, không được giải thoát?

Đáp: Chưa đạt được lý chính vô sinh, tuy tu sinh diệt hữu sinh, khởi tâm tham trước, mang lòng hy vọng, lấy khổ bỏ khổ, từ mê nhóm mê, chìm nổi ngổn ngang, luân hồi chưa dứt, dụ như chúng sa, đủ để biết vậy.

Hỏi: Đâu chỉ ngoại đạo tu thiện không được giải thoát, nương theo giáo lý nội điển tu hành cũng có người không đắc đạo, tại sao vậy?

Đáp: Tất cả cũng vì chấp ngã, nên không đoạn kết tập được, là cho rằng ta làm, theo cảnh mà ta trụ trước (dính mắc) vào nhân quả. Nếu hiểu hai lý vô ngã, chứng phải được nhất tâm bất động trần lao thì ngay nơi đây được giải thoát.

Hỏi: Khi chánh tác, sao nói liễu vô ngã?

Đáp: Khi sở tác, theo duyên mà khởi, vì có thực hành, mà không có chư tổ, âm thanh đã phát ra giống như chuông reo trong gió, tùy cơ chuyển động, chỉ giống như người gõ. Chỉ làm theo nghiệp lực, mà không có ngã tánh có thể được. Bốn đại hợp tan, sinh diệt tự nhiên, cho đến 6 nẻo thọ sinh cũng giống như vậy, thật không có người có thể đến đi.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Như người mộc cơ quan, có thể phát ra các

tiếng, họ không có ngã, nghiệp tánh cũng như vậy.

Luận nói: Vì nhân duyên nên sinh thiên, vì nhân duyên nên đọa địa ngục. Nếu nói là ta chứ chẳng phải nhân duyên thì làm ác tại sao không sinh thiên mà lại đọa địa ngục ư?

Tôi đâu yêu thích chịu khổ trong địa ngục kia? Tôi đã làm ác mà không thọ vui, cho nên biết thiện ác cảm báo chỉ là nhân duyên, chẳng phải là ta vậy. Mà chúng sinh ở trong vô ngã vô tác vọng nhằm ta làm, gượng cho là chỉ của mình, không biết là do thức tạo ra, quyết định không có người làm, ngoại đạo đều gọi chấp tác thấy là hữu thần ngã. Nếu vô thần ngã thì ai là người làm ?

Trí Luận phá rằng: Tam là thức tướng, nên tự có thể khiến tâm không nương thân, như tánh lửa có khả năng thiêu đốt vạn vật mà không cần người.”

Duy Thức Luận nói: “Những sở chấp thật có ngã thể, là có sự tư duy ? Hay không có tư duy? Nếu có duy tư lẽ ra nó phải vô thường, vì chẳng phải bất cứ lúc nào cũng duy tư; còn không duy tư nó như hư không, không thể làm việc được, cũng không thành quả báo, nên lý chấp ngã không thành. Từ đây mà biết, nhất định không có thật ngã, chỉ có các thức. Từ vô thi đến nay, diệt trước sinh sau, nhân quả tương tục, do luân tập hư vọng, tự ngã tướng hiện. Người ngu ở trong vọng chấp là ngã.” Lại nếu là vô ngã tức là vô tánh, tánh chính là thể, thể là nghĩa chủ thể. Hễ có một pháp đều từ các duyên tạo thành, thật không có bản thể, vì vô thể nên không thật. Thế mà chúng sinh ở trong tánh không chấp là thật có, trong thì bị ngã ràng buộc, ngoài thì bị trần lồi kéo, cho nên người tu hành không ra ngoài tâm cảnh, nhãn đến đặc quả, không lìa sở nhân, thăng giáng tuy khác, vẫn luôn bị trói buộc trong các cõi, cùng là cao thấp, trước sau vẫn quấn quanh trong luân hồi, sinh ra các hoạn nạn, ngã là căn bản của nó.

Hỏi: Vạn pháp đã vô thể xưa nay, vốn không có sao lại có tạo lập các pháp?

Đáp: Chỉ là vô không thể tánh mà từ duyên sinh. Nếu có tự thể, thì không nhờ duyên sinh; đã không do duyên sinh thì vạn pháp quyết định có thể. Nếu lập tướng cố định thì thành lỗi chấp thường, thiện ác không thể sửa đổi, nhân quả trở thành thác loạn. Làm ác phải sinh Thiên, làm Thiên phải trầm luân, vì không có nhân vậy. Làm thiện lẽ ra không có phước, làm ác lẽ ra không có tội, vì không có quả báo. Thế nên vạn pháp không thể cũng không nhất định, chỉ theo nhân duyên mà hiện khởi. Vì nhân duyên nên vô tánh, các pháp đều vô thật. Vì vô tánh nên

nhân duyên kiến lập các pháp. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói Bồ-tát ở trong vô tự tánh mà tạo dựng tất cả vô Phật sự. Đó là nhờ không mà lập có, có không tự danh. Từ có biện không, không hông tự thể.

Hỏi: Hiện thấy các pháp phát sinh, sao nói vô sinh.

Đáp: Ngay lúc sinh mà không sinh, bởi nó vô tánh. Nếu nói có sinh, lại là tự sinh? Là tha sinh? Là cộng sinh? Hay là vô nhân sinh? Nếu nói tự sinh, thí như thân mình, nếu chẳng có cha mẹ làm sao sinh được? Cho nên nói thân này là di thể của cha mẹ, lấy nghiệp quá khứ làm nội nhân, nương thể cha mẹ làm ngoại duyên, do nhân duyên nội ngoại hòa hợp mà có, thì chẳng phải tự sinh. Hoặc do ta tha sinh, nếu không có túc nghiệp làm tự nhân, thì không bao giờ gả thai, tất cả đều do nghiệp của mình mà có, thí như bên ngoài có đủ đất nước, mà không có hạt giống thì chắc chắn không thể sinh được. Nếu là cộng sinh thì nhân nhờ duyên mà thành, đâu có dụng của từ thể? Duyên từ nhân khởi mà không có công năng hỗ trợ bên ngoài thì nhân duyên đều không thì hòa hợp làm sao có? Như một hạt cát mà không có dầu, hòa các hạt ấy lại cũng thành không có; một người mù mà không thấy thì tụ hợp các người mù lại cũng đâu thấy gì? Nếu không có nhân mà sinh, chính là gái đá sinh con, lông rùa làm chổi, có nhân cũng như không, không nhân thì làm sao có?

Hơn nữa, từ chỗ có nhân mà lập vô nhân, có nhân cũng không thật, thì vô nhân cũng tuyệt phần. Chỉ hiểu rõ hai câu tự tha vô sinh thì bốn câu cũng phá. Đã không có tự tha thì lấy ai làm hòa hợp? Cho đến không nhân có bốn câu tự nhiên tịch lặng. Thế nên biết sinh của vô sinh, tướng huyền như vậy; vô sinh của sinh, chân tánh vắng lặng. Cho nên kinh Kim Cang Tam-muội nói: “Nghĩa nhân duyên sở sinh, nghĩa này diệt chẳng sinh. Diệt các nghĩa sinh diệt, nghĩa này sinh chẳng diệt.”

Hỏi: Tất cả các pháp đã không tánh không sinh, cơ sao chúng sinh chấp trước cảnh duyên làm chịu thật báo?

Đáp: Chỉ vì không hiểu vô tánh, mê chấp là thật có, cho nên chịu quả báo thật. Nếu đạt được tánh không thì không sinh tham trước. Đã không tấp trước mặc ý mà làm, không trụ vào nhân ấy, không bao giờ chịu quả. Cho nên kinh nói: “Tâm sinh các pháp sinh.” Lại nói: Tất cả do tâm tạo. Nếu tâm không khởi, ngoại cảnh thường hư, liễu ngộ tánh không của cảnh, tâm ấy tự lặng. Tâm vọng đã lặng, sao sinh tướng huyền? Tâm cảnh đều thâm ẩn, tự nhiên hợp đạo. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Nhân, nhĩ, tử, thiệt, thân, tâm ý các tình căn, tất cả không vô tánh, vọng tâm phân biệt có.” Lại nữa, “Tất cả pháp ở đời, chỉ lấy tâm làm

chủ, tùy giải thủ các tướng, điên đảo chẳng như thật”

Hỏi: Đã chịu thật báo, sao nói tất cả không?

Đáp: Rõ ràng nói rằng chúng sinh tự vọng nhận là thật, chư tánh ấy thường không, tuy thọ khổ vui, tình sinh yêu ghét, nhân pháp đều không, hoàn toàn không có gì được, giống như mộng thấy tốt xấu, ôm tông ưa chán đến khi tỉnh giấc bỗng nhiên chẳng có việc gì, tỉnh rồi thấy chẳng có gì, trong mộng thì có đủ, đã huân tập nhân điên đảo, thì phải nhận quả hư vọng.

Hỏi: Tâm vọng cảnh giả, từ xưa nó đã vốn không? Hay bắt đầu hôm nay mới không?

Đáp: Tâm cảnh vốn không.

Hỏi: Đã là vốn không, tại sao chúng sinh không được giải thoát?

Đáp: Xưa nay không trói buộc thì có gì gọi là giải thoát? Chỉ vì không thông được bốn vô, nên vọng sinh nay có. Do sức huân tập từ đời vô thủy, không nay không biết chuyển biến theo nghiệp, tuy đang bị nghiệp dẫn dắt tánh ấy hằng thanh tịnh.

Hỏi: Làm sao được rốt ráo thanh tịnh?

Đáp: Ý này có hai nghĩa: một là hiểu được tánh bởi vô, đắc tự tại thanh tịnh; hai là tịnh ấy vọng nhiễm, đắc ly cấu thanh tịnh. Bởi tánh đã tịnh, vọng niệm không sinh, hai là chướng đều tiêu tan luân khuỵch triệt, khế hợp với bốn nguyện chủng tử, hiện hành đều vắng lặng.

Hỏi: Đạo Phật hưng thịnh khắp nơi, phạm Thánh đồng bảm thọ, tại sao hưng suy không nhất định, mà có người đọa lạc ư?

Đáp: Vạn vật có sự đổi thay mà Tam bảo thường trụ, lặng lẽ bất động, cảm thông mà giáo hóa, chẳng phải vừa sinh ra trong cung vua thì không chết mãi nơi song thọ. Nếu chúng sinh phước mỏng, thì thật sự bóng tiêu; nếu quốc độ có duyên sâu thì phạm vương sát lợi tỵ hội, người bây giờ tự sinh tâm được mất không có phép tắc mà không có hưng suy. Cho nên kinh Pháp Hoa nói: “Chúng sinh thấy kiếp tận, lúc bị lửa lớn thiêu đốt, cõi này của ta được an ổn, trời người luôn đông đủ.”

Hỏi: Đã tán thán các điều thiện, báo ứng chẳng hư dối, tại sao có người khổ nhọc tìm cầu, toàn không khắp chứng?

Đáp: Người tu thiện, tự có hai thứ lợi ích ẩn hiển.

Pháp Hoa Huyền Nghĩa: Tứ cu khoa giản.

1. Minh cơ minh ứng, như quá khứ tu ba nghiệp, hiện tại chưa vận hành nơi thân khẩu, nương vào sức thiện thời quá khứ, đạy gọi là minh cơ. Tuy không thấy linh ứng, mà âm thầm được lợi ích cho pháp thân, không thấy không nghe, chẳng hay chẳng biết, đây gọi là ngầm lợi ích.

Ứng thân phải là hiển ứng, pháp thân phải là minh (ngâm) ứng.

2. Minh cơ hiển ích: Quá khứ gieo thiện mà minh cơ đã thành, lại được gặp Phật nghe pháp, hiện tiền được lợi ích, đây gọi là hiển ích. Nếu Phật vừa ra đời, là người đầu tiên được độ, hiện tại làm sao biết tu hành? Chư Phật soi tỏ căn cơ đời trước của họ rồi đích thân đến độ họ.

3. Hiển cơ hiển ích: Hiện tại thân khẩu tinh tấn không lười mỗi, có thể cảm hiện thiện, lễ sám nơi đạo tràng có thể cảm được tiềm lành.

4. Hiển cơ minh ích: Như người tuy một đời siêng năng, hiện tại tích lũy nhiều việc thiện, mà không hiển cảm ngầm có lợi ích. Nếu hiểu được 4 câu tất cả những việc cúi đầu, chấp tay phước không luống bỏ, trọn ngày không cảm, trọn ngày không hối.

Hỏi: Có người cả đời làm thiện, hiện tại mắc ác báo; người trọn ngày tạo ác, hiện tại gặp điều tốt lành là sao?

Đáp: Nghiệp thông 3 đời, sống chín không nứt định; lại thông cả 3 báo, dày mỏng lẫn nhau. Tổ Cưu Ma Ha Đa thứ 19 ở Tây Thiên nói: “đời trước tu công đức, và đến quá nữa công phu vì có một chút phá hoại bèn hồi tâm tu các hạnh. Do tội nghiệp ít hơn công đức, trước khi chết cũng lãnh thọ phước đức. Đang lúc thọ phước an lạc đời này, tâm dường được an lạc, các suy não chợt giáng xuống, gia đình nhà tôi dần bị phá sản, vì kế thừa nghiệp ác đời trước kia, liên tục đến bây giờ chẳng phải đời này tu phước, mà chuốt lấy ác báo này.

Lại nói: Đời trước làm việc ác, tội ấy hơn công phân nữa, bỗng gặp một người trí, dạy cho tu phước đức. Phước đức tuy tu rồi, song thiện ấy chưa đến, công đức ít hơn tội, chết rồi sinh vào nhà nghèo khó. Tâm không tín kính Phật, không cũng trọng Tam bảo, như vậy quá nữa rồi, nhà ấy dần giàu có, của cải nảy sinh nhiều vì thừa kế nghiệp lành đời trước, liên tục đến hôm nay chẳng phải đời này làm ác, mà chiêu cảm thiện báo này. Luận nói: Nay tôi bệnh khổ, đều do quá khứ; đời này tu phước báo ở đời sau. Nếu thấy người ưa thích sống lâu, thiết giúp đỡ kẻ bần cùng, có thể tin lời này, không sinh tà kiến. Nếu không hiểu đời này, ưu não thất ký, chỉ luống công mất kế, thiện ác không hiện ra ngoài. Như khi tu thiện, một lòng không thối lui, không gián đoạn, quả phước mãi tươi sáng, chỉ sợ tự sanh chướng ngại. Những bậc hiền sĩ và thông đạt, mới hiểu được ý này thôi.

Hỏi: Ác có thể che thiện, thì khi họa khỏi phước nghiêng đổ. Thiện có thể bài trừ ác, thì chướng tiêu và đạo hiện. Cớ sao lại có người từ khi sinh ra đã chứa nhóm điều thiện lại mắc tai ương? Và khi Lương

Vũ Đế bị nổi loạn, ông quy uy Tam bảo, mà cả triều đều bị khốn đốn, hoàn toàn không có sự linh ứng là sao vậy? Cả thế giới đều nghi, xin Ngài quyết nghị cho.

Đáp: Trước đã nói rõ nghiệp thông ba đời, sự việc đã rõ ràng. Nay quyết nghị lại trong ấy có ba nghĩa:

1/ Là chư Phật Bồ-tát thị hiện báo độ và tùy thiện thế gian, hòa vào sự khổ vui của họ, thiên biến vạn hóa, nhọc nhằn dẫn dắt họ.

Có người đang sống yên ổn bỗng gặp tai nạn, bởi vật đi đến chỗ tốt cùng thì quay lại, có người đang sống cuộc sống vinh hoa chợt gặp chuyện hư xấu hiện ra thịnh thời ắt có suy. Khiến người ta ưa đắm vinh hoa ngộ được thế gian vô thường, cảnh tỉnh người ủy quyền biết cuộc đời này có hạn dần dần tiêu trừ tham cấu, tẩy sạch tình trần, hiện chánh hiện tà, hoặc nghịch hoặc thuận, đây là thuật bí mật của việc thần hóa. Chẳng phải kẻ tiểu phàm có thể biết được.

2/ Thiện ác không như định, quả báo theo duyên; nghiệp lực khó lường, sức không thể ngăn lại được. Cho nên kinh Niết-bàn nói: Nghiệp có 3 thứ báo:

1. Hiện báo, hiện đời làm thiện ác, hiện đời chịu khổ vui.
2. Sinh báo, đời này tạo nghiệp, đời sau thọ báo.

3. Hậu báo, đời này tạo nghiệp, trải qua trăm ngàn đời mới lãnh thọ quả báo.

Kinh nói: Có nghiệp hiện khổ có báo khổ, có nghiệp hiện khổ có báo vui, có nghiệp hiện vui có báo vui, có nghiệp hiện vui có báo khổ.

Hoặc dư phước chưa hết, điều ác không gia vào liền; hoặc túc ương vẫn còn mà duyên lành lại phát. Lại nữa nếu thiện nhiều ác ít, thì trước thọ vui mà sau này chịu khổ, thì phước hết họa sinh. Hoặc thiện ít ác nhiều, thì trước chịu khổ mà sau thọ vui, tai nạn tiêu trừ và hỷ lạc vẫn tập. Những điều này hoàn toàn do nghiệp chín mùi của hậu báo, đời này sức thiện khó bài trừ. Đoạn tập chứng Thánh vẫn còn túc trái, như Tỳ-kheo Sư Tử, một vị thiên sư mà còn như vậy huống chi phàm phu bộ nghiệp lực ràng buộc, đâu tránh khỏi họa hoạn này?

3/ Hoặc thiện căn sâu dày, sức tu kiên cố, quyết chí không nghi thệ hơn đá vàng, thì hiện tại thọ khinh báo, có thể đoạn được lỗi lầm nhiều kiếp. Cho nên kinh nói: Đời này làm ác ít thiện nhiều, thì tranh đi bảo nặng ở địa ngục và hiện đời được nhẹ nhàng, có người làm thiện ít mà ác nhiều thì chẳng quả hiện tại nhẹ mà nặng về địa ngục. Nhấn đến người tu thiện hoàn toàn, thì hiện đời tạm thời chịu khổ nhưng diệt được món khổ trong trăm vạn kiếp. Ở địa ngục. Thế nên Bồ-tát phát hiện

rằng. Nguyên được thân này để đền trả, không vào ác đạo chịu khổ.” Người làm ác, tuy hiện đời an lạc, song quả ấn trong ngục A tỳ, nhiều kiếp bị thiêu đốt, chịu khổ không gián đoạn. Lại nữa, người tu hành sắp ra khỏi luân hồi, khi lâm chung khổ chịu khổ, là do ác nghiệp từ vô thủy, trở lại một lát rồi dứt sạch. Như Đường Tam Tạng pháp sư, chín đời làm tăng, phước đức trí tuệ, thường xưng tụng là bậc nhất, hoàng truyền Thánh giáo rộng khắp, diễn dãi Phật thừa, lợi ích vô biên, công lao to lớn khó có thể lường được. Cho đến khi sắp thác hóa, nằm trong phòng bệnh, vị tăng nuôi bệnh là thiền sư Minh Tạng thấy có hai người, mỗi vị cao một trượng, cùng cầm bông sen trắng đến trước pháp sư nói rằng: “Thầy từ xưa đến nay có một số ác nghiệp làm tổn não chúng sanh trong các cõi, vì thế mà nay có chút bệnh, song đều được tiêu trừ, hãy sinh lòng vui vẻ.” Pháp sư ngoáy nhìn chấp tay, rồi quay nằm sang hướng phải. Đệ tử hỏi ngài: “Hòa thượng chắc chắn sinh vào nội viện của Di-lặc không? Đáp: Được sinh, nói xong, hơi thở yếu dần, an nhiên ra đi. Nếu biết nghĩa của ba ý trên mới là người biết nhân biết quả. Hoặc giả mê mờ lời này thì trọn đời nghi ngờ hủy báng.

Hỏi: Tu thiện lẽ ra đã thuận, cơ sao còn tạo ác? Ác đã tạo rồi sao dùng thiện làm gì? Nếu thiện ác đều làm, e rằng luống uổng công sức.

Đáp: Nếu Bồ Tát suất gia không có các thứ chướng ngại, phải tu toàn điều thiện, thẳng đến Bồ-đề. Còn Bồ Tát tại gia bị ràng buộc bởi sự nghiệp, chưa được thuần tịnh, chỉ thực hành thiện đạo để đối trị. Nghiệp khó đổi liền, ác chẳng đoạn hết, dần dần chứa nhóm công đức để hướng vào Bồ-đề. Nếu lại chứa ác mà không chịu tu, thời ác không bao giờ hết, phải làm việc lành, để tẩy trừ nhân ác.

Kinh thí dụ nói: “Xưa kia có vị quốc vương, ra ngoài săn bắn rồi trở về, đi ngang qua chùa nhiều tháp, làm lễ các vị Sa-môn, quần thần ai cũng cười ông. Vua liền hiểu ra bảo chúng thần rằng “Có thỏi vàng trong chảo, trong chảo tràn nước sôi, nhúng tay vào lấy vàng được không?

Đáp: Không được.

Vua nói: Lấy nước thật lạnh đổ vào đó rồi lấy được không?

Quần thần tâu rằng: Lấy được.

Vua nói: Ta hành vương sự, những việc săn bắn như nước sôi, đốt hương thấp đèn, nhiều tháp như đem nước lạnh đổ vào nước sôi.” Hễ làm Vua thì có những việc thiện ác, tại sao chỉ có ác mà không làm thiện ư?

Hỏi: Bồ-tát tại gia cũng cho phép tu thuần thiện chẳng?

Đáp: Nếu chí gắng tâm vững, hoàn toàn quy mạng, như nai mắc lưới, như lửa đốt dầu, chỉ tìm cửa để thoát khỏi, không đoái hoài gì đến việc đời, từ xưa đến nay cũng nhiều việc như vậy.

Kinh thí dụ nói: “Thuở xưa có vị quốc vương rất thích đạo đức, cứ đi nhiều tháp cả trăm vòng chưa ngừng, Vua nước láng giềng cất binh sang đánh, muốn đoạt nước của ông. Quân thần xung quanh hết sức sợ hãi, liền tâu vua rằng: Ngừng việc nhiều tháp lại để chống trả giặc cả.” Vua nói: Cứ để chúng đem binh đến, ta không dừng lại đâu. “Tâm ý vua vẫn như cũ, nhiều tháp chưa xong mà binh chạy toán loạn hết.” Hễ người có một tâm chí vững chãi, không việc gì không xong. Bởi vậy, sông núi không binh mà chỉ cảm nơi lòng người, chỉ có lòng hướng đến thì không chỗ nào không đến. Cho dù vào ao lạng để bắt cá, vào rừng cồng để mặng, nên chẳng phải là sức thần mà do chí khí làm việc vậy.

Hỏi: Nếu rộng tu vạn thiện, cũng thực hành từ bi, chỉ bảm thọ chân thuyền, có hại với thế đế, thì ở trong nước loạn để trị nước đó, ở trong nhà hư thì sửa trong nhà đó, tuy gọi là lợi người nhưng chưa toàn mỹ.

Đáp: Những điều thiện trong pháp Phật thấm nhuần tất cả, sức giúp đỡ những kẻ còn người mất, đạo bao hàm cả chân tục. Ở trong nước nào có nhiều điều kiện thì nước ấy thành quốc bá, ở nhà nào có làm thiện thì nhà ấy được sung túc, lợi ích đã đạt được thật tu lớn. Cho môn sách (thư) nói: Nhà chứa ác ắt phải có tai ương”, lại nói: Làm thiện thì trăm ngàn điềm lành lúc đến, làm ác thì trăm thứ tai ương giáng xuống.

Tống đế Văn Đế vào niên hiệu nguyên gia hỏi Hà Thị Trung rằng: “Phạm Thái, Tạ Linh Vận rằng: Lục kinh vốn là giúp đời, nếu tìm tánh linh chân yếu thì lấy kinh Phật làm kim chỉ nam. Nếu cõi nước của ta đây được Phật pháp thuần hóa thì ta ngồi yên trên ngôi vậy. “Thị trung nói rằng: Hễ ngôi làng có một trăm hộ, mười người trí ngữ giới thì mười người hiền lành chất phát. Ấp có 1000 hộ mà 100 người tu thập thiện thì một trăm người nhu hòa, thuần hậu.

Truyền những âm hưởng biến khắp vũ trụ, gộp ngàn vạn hội vì người nhân từ có cả trăm vạn. Thế lành được một việc thiện thì bỏ đi được một biệc ác; bỏ đi một điều ác thì dứt một hình phạt. Một hình phạt giúp ở một gia đình, vạn hình phạt giúp ở một nước, bệ hạ gọi đó là ngồi yên trên thái bình rộng.

Bởi vì pháp giới bao la, biến khắp hư không, một việc thiện đã làm, không có việc bất lợi kéo đến thì đó chính là phép tắc chính yếu

của việc lập thân, giác hóa, giúp nước giữ nhà. Nếu lấy đó để lập thân thì không thân nào không lập; lấy đây để giúp nước thì không nước nào không giúp được. Gần thì được phước nhân thiên, xa thì bước vào ngôi vị Phật.

Hỏi: Vạn thiện đã tu lấy gì làm căn bản?

Đáp: Tất cả lý sự, lấy tâm làm gốc. Ước theo lý, kinh nói: “Quán tất cả pháp tức tự tánh của tâm, thành tựu tuệ thân, không ngộ từ người khác.” Tâm như người thợ vẽ, có thể vẽ được cảnh đời, 5 uẩn đều sinh từ đây, không pháp nào không tạo.” Đây chính là lấy tâm thực quán tâm duyên lý làm căn bản. Tâm chân thật là thể, tâm duyên lý làm dụng, dụng tức là tâm sinh diệt môn, thể tức là tâm chân như môn. Thể dụng chia làm 2 song chỉ là một tâm dụng tức là thể, vì dụng không lià thể, thể tức là dụng, thể không lià dụng. Đóng mở tuy khác, song chân tánh bất động, tâm có khả năng làm Phật, tâm có thể làm chúng sinh. tâm làm thiên đường, tâm tạo địa ngục, tâm sai muôn hình vạn tượng tranh nhau khởi phát, tâm bình thì thế giới bằng phẳng, tâm phàm thì tam độc trời buộc, tâm Thánh thì tự tại trong lục đạo, tâm không thì một bề thanh tịnh tâm có thì vạn cảnh tung hoành. Như trong hang đối tiếng, nói to thì âm lớn, như gương soi bóng, hình cong thì bóng tà.

Vì vạn hạnh từ nơi tâm, tất cả tại ngã, trong hư dối thì ngoài không bao giờ thật, trong nhỏ bé thì ngoài không bao giờ lớn, nhân lành thì rút cuộc gặp chuyện lành, làm ác khó tránh cảnh ác. Lượn trên mây mà uồng cam lộ, chẳng phải người khác trao chọn, nằm trong khói lửa mà ăn máu mủ, đều do mình làm chẳng phải do trời sinh đất sản, chỉ tại ở niệm đầu trên đến nỗi trầm luân như vậy, muốn bên ngoài được an hòa thì bên trong phải định tĩnh, tâm lắng thì cảnh tịnh, niệm khởi thì pháp sinh, nước đục thì sóng ngẫu, đầm trong thì trắng tỏ, điểm cốt yếu của sự tu hành, chẳng ngoài điều này, có thể gọi là cửa của chúng diệu, nhà của quần linh, cội gốc của sự thăng trầm, nguồn của tội phước chỉ làm ngay thẳng tâm mình, sao nghi cảnh khác?

Kinh nói: Làm thiện thì phước theo làm ác thì họa kéo đến, như vang ứng tiếng, thiện ác như âm thanh, chẳng phải thiên long quỷ thần trao cho. Chẳng phải tổ tiên cháu chắt làm ra. Cái tạo ra nó chỉ là tâm, cái tâm ra nó là thân khẩu vị. Phật nói kệ rằng: Tâm là gốc của pháp, tâm tôn tâm sử, trong tâm nghĩ ác, rồi nói rồi làm, tội khổ tự theo, như xe lăn theo bánh. Tâm là gốc các pháp, tâm tôn tâm sử, trong tâm nghĩ thiện bèn nói bèn làm, phước lạc theo sau, như bóng theo hình.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Bồ-tát Trí Thủ hỏi: Bồ-tát Văn-thù rằng:

Làm sao để khỏi mắc lỗi 3 nghiệp, hẳn đến là đến là thương là vô thương, làm đấng là vô đấng v.v... Văn-thù Sư Lợi đáp: Nay Phật tử! Nếu Bồ-tát khéo dụng tâm mình thì được tất cả công đức thù thắng vi diệu.

Kinh Mật Nghiêm nói: “Như đất không phân biệt, mọi vật nương đó để sinh, tăng thức cũng như vậy, các cảnh nương thức ở. Như người dùng tay mình trở lại xoa thân mình, cũng như voi dùng vòi hút nước tự tắm rửa, lại giống như các bé con, ngâm tay vào miệng. Như vậy trong tâm mình, hiện cảnh rồi tự duyên theo cảnh giới của tâm này biến khắp 3 cõi. Người tu quán hạnh lâu ngày có thể thông đạt các thế gian trong ngoài, tất cả chỉ do tâm hiện. Từ đây mà nói, đâu chỉ dừng lại gốc của vạn thiện, cho đến hữu tình vô tình, cảnh giới phàm thánh, vạn tượng trong hư không, đều lấy tâm làm gốc. Cũng nói: Lấy vô chủ làm gốc, gốc lập thì đạo sinh, đó chính là điều này vậy.

Hỏi: Nguồn của vạn hạnh, lấy tâm làm gốc, trong môn thợ đạo, pháp nào là trước tiên.

Đáp: Lấy tâm ngay thẳng chân thật của mình làm gốc, từ bi nhiếp hóa làm đạo. Vì nó ngay thẳng, nên quả không cong vậy hạnh thuận chân như:

Vì tâm từ bi nên không rơi vào tử thừa, công bằng bậc đại giác. Vì 2 môn này đầy đủ tự lợi, lợi tha.

Hỏi: Trước tiên biết rõ chánh tông biến hành trợ đạo, nay trong vạn hạnh môn, để tiêu trừ nghi trệ, chưa xét lữ thì lấy gì làm tông chỉ?

Đáp: Phật pháp vốn không có ý nhứt định, chỉ thì căn cơ vào chỗ thấy rõ tâm tánh, tạm gọi là Tông.

Hỏi: Dùng phương tiện gì để được ngộ nhập?

Đáp: Có cửa phương tiện, cần phải tự nhập.

Hỏi: Sao không chỉ bày?

Đáp: Thấy tánh không nơi chốn, lấy gì chỉ thị? Quả là chẳng phải cảnh giới thấy nghe hiểu biết.

Hỏi: Đã không thể chỉ thị thì lúc thấy rõ là thấy việc gì?

Đáp: Thấy vô vật.

Hỏi: Không có vật làm sao thấy được?

Đáp: Không có vật thì không thấy, thấy không vật là thấy đúng, thấy có tức là bị trần kéo.

Hỏi: Thế thì như trong giáo pháp, tại sao Phật cũng nói thấy?

Đáp: Phật tùy theo pháp thế gian, thấy ngay trong cái không thấy,

chẳng giống hàng phàm phu chấp có thấy thật. Nói chung, kiến tánh chẳng thuộc có không, trạm nhiên thường tịch.

Hỏi: Rốt cuộc như thế nào?

Đáp: Phải đích thân xét nét.

Hỏi: Ở trước nói ngoài tâm không có pháp tại sao nói có thấy liền bị trần kéo?

Đáp: Tất cả cảnh sắc đều là đệ bát thứ đạt được từ tướng phần hiện lượng. Thật không có pháp bên ngoài, khi mắt thấy sắc, chưa snah phân biệt, trong sát na chuyển nhập, hiểu rõ ý thức, phân biệt hiện tượng, làm cái hiểu bên ngoài, bèn chấp thành trần cảnh.

Hỏi: Cảnh này làm sao biết nó đã hiện?

Đáp: Trần hiện ra từ thức, nội thức biến khởi, thì hiện ra cảnh tự trần, như trong gương thấy mặt mũi mình, chẳng hiện bóng khác. Duy Thức luận nói: “Nội thức chuyển tự ngoại cảnh, phân biệt ngã pháp, vì sức huân tập, khi các thức sinh, biến thành ngã phá của mình. Tướng ngã pháp này tuy ở (trong thức) thức bên trong, nhưng do phân biệt thì dường như cảnh bên ngoài hiện. Các loài hữu tình từ xưa đến nay do đây chấp làm thật ngã, thật pháp như việc chuyển mộng, vì sức chuyển mộng tâm giống như mọi cảnh tướng bên ngoài hiện, nội thức biến ra tự ngã tự pháp, tuy có mà không thật.”

Kinh nói: Do tâm mình chấp trước, tâm dường như bị cảnh ngoài chuyển, thấy nó không có thật nên gọi là duy tâm.” Ý này do ước theo sự mà luận, nói là thức biến. Nếu hiểu sâu chân như, thời tất cả pháp xưa nay không động, chính tự tánh của tâm cũng không cần biến.

Hỏi: Trần và thức này từ đâu mà lập?

Đáp: Nghĩa là từ danh ngôn huân tập chủng tử, mà được kiến lập. Thật không có thể, mà tự có nghĩa, tướng mạo hiển hiện, như những vật huyền, từ tên mà lập pháp, nhân pháp mà lập danh, trong danh không có pháp, trong pháp không có danh, vô thể cường hình thành, hữu tướng đồng vắng lặng.

Hỏi: Thức này đã không lập thì lấy thức nào làm tông?

Đáp: Các thức rốt ráo cũng không có chỗ nương tựa, luận theo cực quyền, chỉ một chân tánh. Thức loạn này vì cảnh lôi kéo nên lập, chẳng tiêu thức trừ, năng sở đều mất, chỉ còn một chân thức tức là thật tánh. Tam Võ Tánh Luân nói: “Trước lấy loạn thức xưa đuổi ngoại cảnh, kê đến lấy A-ma-la thức đuổi loạn thức, rốt ráo chỉ còn một tịnh thức.”

Hỏi: Lý sự vô ngại, vạn sự viên tu, giác nào để tôn, đế nào để nhiếp?

Đáp: Pháp tánh dung thông, tùy duyên tự tại, tùy nêu một pháp, thâm tịch vạn hạnh, tức là sở tông của Hoa Nghiêm sở nhiếp của viên giáo. Như lục độ vạn hạnh, thành Phật độ sinh, tuy chuyên khởi tịnh song đều nhiếp thâm vào thế đế. Nếu phát sáng bốn tông, hiểu cùng tột biển quả, thì lý trí đều mất, ngôn tâm tuyệt nẻo.

Hỏi: Tập này đã trình bày, gồm những danh mục nào?

Đáp: Nếu chỉ giả danh thì số đến hàng sa. Nay nói tóm lược, thì gọi chung là “Vạn Thiện Đồng Quy”. mở rộng nghĩa là:

- 1/ Lý sự vô ngại.
- 2/ Quyền thật song hành.
- 3/ Nhị đế đều trình bày.
- 4/ Tánh tướng dung tức.
- 5/ Thể dụng tự tại.
- 6/ Không có tướng thành.
- 7/ Chánh thọ kiêm tu.
- 8/ Đồng chỉ một mé.
- 9/ Tu Thánh không hại.
- 10/ Nhân quả không khác.

Hỏi: Danh do nghĩa lập, nghĩa giả, danh thật, giả danh đã lập nghĩa ấy làm sao trình bày?

Đáp: Thứ nhất, lý sự vô ngại: Lý là vô vi, sự là hữu vi, trọn ngày làm mà chưa từng có làm, trọn ngày không làm mà chưa từng không làm. Làm và không làm chẳng giống chẳng khác, cùng nguồn pháp tánh, đồng cội hư không. Nếu nói là một thì sinh nhâm vương nói: “Công đức hữu vi và vô vi vủa chư Bồ-tát thấy đều thành tựu.” Nếu chỉ là một thì không nên nói có hai thứ công đức. Nếu nói là khác thì kinh Bát-nhã nói: Không được lia hữu vi mà nói vô vi, không được lia vô vi mà nói hữu vi. Đó chính là lý sự tương tức, chẳng đoạn chẳng thường, khởi diệt đồng thời, vô ngại cùng hiện.

Thứ hai, quyền thật song hành: Thật là chân tế, quyền là hóa môn. Từ chân tế mà khởi hóa độ, ngoài thật không có quyền; nhân sự tích mà được cội gốc, ngoài quyền không có thật. Luân thần hợp với toàn ý chỉ, vô ngại song hành giá chiếu đồng thời, lý lương đều hiện.

Thứ ba, nhị đế cùng trình bày! Chư Phật thương y theo nhị đế thuyết pháp. Vì cố sao? Vì tục là chân thuyên, liễu ngộ tục là vô tánh, tức là chân tánh, cho nên nói: “Nếu không được tục đế, không được đệ nhất nghĩa.” Cho nên chân không cần lập mà thường hiện, tục không cần trừ mà nó tự không. Hai đế cùng tồn tại, giống như sóng nước hể

nước cạn thì sóng ngừng, sóng nước đồng thời, sóng tột nguồn nước, động ẩm một bờ.

Thứ tư, tánh tướng chung tức:

Kinh Vô Lượng nghĩa nói: “Vô Lượng nghĩa là từ một pháp sinh” pháp đã nói tức là chân tâm. Từ một chân tâm mà đủ hai nghĩa tùy chuyên bất biến, bất biến là tánh, tùy chuyên là tướng. Tánh là thể của tướng, tướng là dụng của tánh, vì không hiểu nguồn cội, nên vọng sinh tránh luận. Nếu nay hủy tướng là không hiểu dụng của tâm, hủy bỏ tánh thì không biết thể của tâm. Nếu có thể dung thông, thì thủ xả đều dứt.

Thứ năm, thể dụng tự tại: thể tức là lý của pháp tánh, dụng là sự của trí ứng. Nếu toàn dụng của thể, dụng tức không giống, nếu toàn thể của dụng, thể tức chẳng khác. Dụng của thể mà không ngại dụng, là thể của dụng mà không mất thể, cho nên một vị (song) hai phần, tự tại vô ngại.

Thứ sáu, không có tướng thành: Hễ luận về tất cả vạn pháp, vốn không có tướng nhất định, cùng hoại, tướng nhiếp tướng trợ, nhân không mà lập có, vì chuyên sinh tánh không, giả có thành không, vì vô tánh chuyên khởi. Nhân nghĩa hiển biệt, theo cái thấy mà thành sai khác, mê nó thì vạn rộng bất đồng, ngộ nó thì tam thừa không khác. Vì sao? Vì nếu giả sử có một pháp thì hàng Tiểu thừa thấy thật sắc, hàng sơ giáo thấy là huyễn có, chung giáo thì thấy sắc, không vô ngại. Vì không ấy không giữ tự tánh, tùy chuyên mà thành các cõi. Đốn giáo thấy tất cả sắc pháp đều là chân tánh, viên giáo thấy vô tận pháp giới này. Nếu chung thông được nó thì liền thành chân không diệu hữu, có, có thể hiển bày vạn đức, không, có thể thành tất cả.

Thứ bảy, kiêm tu chánh trợ: Chánh là chủ trợ là bạn. Nhờ bạn mà chủ thành không có trợ thì chánh không bao giờ trọn vẹn; từ chủ được bạn không có chánh thì trợ không do đâu lập. Đó chính là ý chủ vạn tướng thành, chánh trợ gồm đủ, cũng là chỉ quán song vận, ẩn hiển cùng chứng trong ngoài lại giúp nhau, giới thừa đều cần.

Thứ tám, đồng trị một bờ: Đồng thì căn cứ theo lý bất biến, độ thì ước theo sự tùy duyên. Vì bất biến nên mới có thể tùy duyên; vì tùy duyên cho nên bất biến. Chỉ vì sự không khác mà thành khác, môn bất đồng mà lập đồng. Nếu là khác thì hoại ở khác nên mất thể. Nếu đồng thì không thành đồng, vì không dùng cho nên giống không giống mà khác. Khác không khác mà giống, chấp mỗi thứ bèn rơi vào đoạn thường, dung thông cả hai thì thành Phật pháp. Cho nên kinh nói: “Lạ thay Thế Tôn! Ở trong pháp vô dị mà nói các pháp dị.

Thứ chín, tu tánh không hai: Cái vốn có gọi là tánh chẳng phải do quán mà thành, nay hiển lộ gọi là tu, nhờ trí mà hiện ra. Do tu mà hiển được tánh bổn hữu, nhờ tánh mà phát khởi sự tu của ngày nay, toàn tánh thành tu, toàn tu thành tánh, tu, tánh không hai nhân duyên tự phân.

Thứ mười, nhân quả không khác: Nhân từ quả khởi, quả tròn thì mới thành nhân, quả đui đi thì nhân sinh ra. Nhân tròn thì có thể lập quả. Sự phân trước sau, lý thì cùng một lúc, cùng giúp đỡ lẫn nhau, nghiệp dụng không mất.

Hỏi: Tập này đã trình bày, phải theo những căn cứ nào? Được những lợi ích nào?

Đáp: Gồm cả tự lợi, lợi tha, đốn trộn cùng nhau. Tự lợi là viên môn của trợ đạo, huyền kinh của việc tu hành. Lợi tha là mặt trời tỏ rạng của việc thệ thân, là lương y của nhị kiến. Đốn hành: Không Thái với môn tánh khởi, có thể thành hạnh pháp giới; tiệm trém là khởi phế bỏ lời dạy phương tiện, trọn quay về thừa cứu cánh. Nếu người tin điều ấy thì vâng lời Phật dạy, nếu người chê bai nó thì huỷ bán ý Phật. Tin hay nghe đều có quả báo, nhân quả rõ ràng. Trình bày tóm tắt một trần của biển giáo phát, thí khắp chúng sinh trong pháp giới, nguyện hồng chánh đạo, để báo ân Phật.

Tụng rằng:

*Bồ-đề không phát mà phát
Phật đạo không cầu mà cầu
Điều dụng không hành mà hành
Chân trí không làm mà làm
Khởi từ ngộ được đồng thể
Hành bi thâm nhập vô chuyên
Không có gì xả mà hành thí
Không có gì giữ mà đủ giới
Tu tiến hiểu không có gì khởi
Họa nhãn đạt không có gì hại
Trí tuệ ngộ cảnh vô sinh
Thiền định biết tâm không thụ
Thấy không thân mà đủ tướng
Chứng vô thuyết mà bàn thuyết.
Xây dựng đạo trắng trắng đáy nước,
Trăng nghiêm pháp giới tánh không
Bày khắp đồ cúng huyễn hóa
Cúng dường như lai hình, bóng*

Sám hối tôi tánh vốn không
Khuyên thỉnh pháp thông thường thụ Hội hướng chọn
vô sở đắc
Phước tùy hỷ đồng với chân như Tán thán ta
người huyễn giả, Phát nguyện năng sở bình đẳng
Lễ bái ảnh hiện pháp hộ
Hành đạo rã bước hư không Đốt hương khéo đạt
vô sinh Tụng kinh không sâu thật tướng. Rãi hoa
hiển các vô chấp
Đàn chỉ để hiện bỏ trần
Thí là độ môn của hang tiếng Tự tập không
hoavạn hạnh
Thâm nhập biển tánh chuyên sinh Thường đạo pháp
môn huyễn hóa. Thể đoạn trần lao vô nhiễm,
Nguyện sinh trung tâm tịnh độ Thực hành thực tế lý
địa
Ra vào quán môn vô đắc.
Hàng phục cảnh tượng ma quân Trong mộng
rộng làm Phật sự Độ khắp chúng sinh như huyễn
Đồng chứng Bồ-đề tịch diệt.